



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THÁNG

SỰ KHỞI ĐẦU MỚI

ABS Research – 10/01/2025

## ĐIỂM NHẤN THÁNG 12/2024

- Ngành sản xuất tại Mỹ tiếp tục gặp nhiều thách thức với PMI sản xuất giảm về 49.4 điểm. Lạm phát Mỹ vẫn dai dẳng, trong khi nền kinh tế và thị trường việc làm ổn định gây ảnh hưởng đến lộ trình hạ lãi suất của FED. Ngành sản xuất Trung Quốc hồi phục nhẹ nhưng lạm phát vẫn ở mức thấp. Sản xuất tiếp tục thu hẹp tại EU với là tháng thứ 30 liên tiếp ghi nhận PMI nằm dưới ngưỡng 50. [\(trang 8-12\)](#).
- Bức tranh vĩ mô tại Việt Nam rất tích cực với GDP tăng trưởng mạnh 7,09% svck nhờ sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, ngành du lịch duy trì đà tăng trưởng mạnh, xuất nhập khẩu và giải ngân FDI tiếp tục lập kỷ lục, lạm phát trong tầm kiểm soát...Tăng trưởng tín dụng bứt tốc trong các tháng cuối năm, đạt 15,08% svck. [\(trang 13-21\)](#).
- Ngay đầu tháng 12, VN-Index đã lao dốc mạnh xuống mức 1.24x do động thái rút ròng 27 nghìn tỷ đồng từ NHNN. Sau đó, chỉ số hồi phục nhờ các thông tin tương đối tích cực. Thị trường kết thúc tháng cuối cùng trong năm tại điểm số 1.266,78 điểm, tăng 1,3% so với tháng trước, tăng 13,1% so với đầu năm. [\(trang 23-24\)](#).
- NĐT cá nhân giảm mua ròng -29,6% so với tháng trước. Khối ngoại giảm bán ròng đáng kể, chỉ còn 2.781 tỷ đồng so với gần 12 nghìn tỷ đồng tháng trước. Trong khi đó nhóm NĐT tổ chức trong nước chuyển từ mua ròng 8.200 tỷ tháng trước sang bán ròng 660 tỷ đồng trên HOSE. [\(trang 25-26\)](#).
- Dòng tiền đã cải thiện ở nhóm Dịch vụ tài chính (+1,41%), Hàng và Dịch vụ công nghiệp (+0,88%) và Tài nguyên cơ bản (+0,76%). Ở chiều ngược lại, dòng tiền bị rút ra khỏi các ngành vốn hóa lớn như Bất động sản (-3,2%), Công nghệ thông tin (-0,89%) và Ngân hàng (-0,09%). [\(trang 27\)](#).



## Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Trong Báo cáo chiến lược năm 2025 chúng tôi dự phóng TTCK dần tích cực trở lại và tăng trở lại pha đầu tiên. Trong đó, ngưỡng xác nhận thị trường đi vào pha tích cực khi VN-Index kết nển tuần/ nển tháng trên mốc 1310+/- điểm và ngưỡng rủi ro khi thị trường phá qua đáy 1198 điểm.

Thời gian qua, thị trường vận động đi ngang trong vùng 1300-1198 điểm. Thị trường tạo đáy ở 1198 điểm, sau đó đã có 1 nhịp sóng khởi động đầu tiên với biên độ lên tiêu chuẩn 100 điểm. Hiện tại, với nhiều cổ phiếu trụ, đầu ngành đã cạn biên độ lên và suy yếu, thị trường đang trong nhịp điều chỉnh để các cổ phiếu trên cao có thêm thời gian tích lũy cho nhịp hồi phục sau đó. Để giữ được xu tăng trước đó thị trường cần giữ được mốc 1198 điểm, tích cực hơn cần giữ được mốc 1237-1240 điểm, tạo tâm lý cho dòng tiền nhập cuộc trở lại.

Xu hướng tháng: Tăng, giá dao động quanh đường trung bình trượt MA10 với cấu trúc đỉnh - đáy cao dần.

Xu hướng tuần: Đi ngang trong vùng 1300-1198 điểm, khối lượng giao dịch có sự suy giảm từ giữa năm 2024 tới nay. Trên biểu đồ tuần cho thấy cần sự cải thiện về thanh khoản giao dịch trong thời gian tới. MACD đang dịch chuyển dần về Zero, chưa cho tín hiệu cắt lên.

Nhịp tăng tiếp theo của thị trường sẽ chuyển từ tăng ngắn hạn trên biểu đồ ngày lên nhịp tăng trung hạn trên biểu đồ tuần khi VN-Index xác nhận dứt thoát khỏi vùng biên trên 1310+/- trên nển tuần/nển tháng, đồng thời MACD tuần xác nhận cắt lên, kèm theo thanh khoản tăng ở mức ~25.000 tỷ đồng/phiên trong tuần gần nhất.

Xu hướng ngày: Đã tăng bước sóng khởi động đầu tiên từ 1198 điểm tới vùng giá 1285 điểm. Trong đó, yếu tố nghi ngờ còn khá lớn, tâm lý giao dịch của nhà đầu tư chưa được cải thiện nhiều. Hiện thị trường đang có nhịp điều chỉnh sau một pha tăng đủ biên độ.

## Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1285 - 1310
- Hỗ trợ 1: 1237 – 1240
- Kháng cự 2: 1310 - 1340
- Hỗ trợ 2: 1211 – 1218
- Hỗ trợ 3: 1198 – 1205

## Các yếu tố vĩ mô:

### **Thị trường bước vào những ngày đầu năm mới 2025 với nhiều yếu tố tác động trái chiều:**

- Trên thế giới, lạm phát đang nhích lên tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... khiến NHTW các nước phải thận trọng hơn với việc nới lỏng tiền tệ. Mặc dù Fed đã quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ ba liên tiếp trong tháng 12/2024, đưa lãi suất xuống phạm vi 4,25 - 4,50%, nhưng cũng phát đi tín hiệu cắt giảm lãi suất sẽ chậm lại trong thời gian tới, với dự kiến sẽ chỉ cắt giảm lãi suất khoảng 2 lần, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm, để đưa lãi suất chuẩn về phạm vi 3,75 - 4,00% vào cuối năm 2025.
- Ngay sau khi FED phát ra thông điệp trên, chỉ số USD Index (DXY) và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ liên tục tăng mạnh. Điều này gây sức ép lên thị trường tài chính quốc tế.

## Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Thế giới đang chờ đợi ngày ông Trump chính thức nhậm chức tổng thống Mỹ ngày 20/1/2025 sắp tới, với dự kiến sẽ có nhiều thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Nhiều nước đã phải chuẩn bị đối mặt với việc Mỹ áp dụng chính sách thương mại thắt chặt với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, có thể khiến kinh tế toàn cầu thêm khó khăn.
- Sản xuất và việc làm được chứng kiến tiếp tục thu hẹp tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK... Lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc chỉ hồi phục trong ngắn hạn chứ chưa thật sự bền vững khi có nguy cơ phải đối mặt các mức thuế quan mới từ nhiệm kỳ thứ hai của ông Donald Trump, trong khi vẫn đang phải ứng phó với các yếu tố bất lợi khác (nhu cầu trong nước còn yếu, giá đầu ra tiếp tục sụt giảm...).
- Bức tranh vĩ mô tại Việt Nam rất tích cực với GDP tăng trưởng mạnh 7,09% svck nhờ sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, ngành du lịch duy trì đà tăng trưởng mạnh, xuất nhập khẩu và giải ngân FDI tiếp tục lập kỷ lục, lạm phát trong tầm kiểm soát...Tăng trưởng tín dụng bứt tốc trong các tháng cuối năm, đạt 15,08% svck.
- Tuy nhiên, điểm trừ là các diễn biến không mong muốn trên thị trường tài chính với việc lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn dài bật tăng trong tháng 12, lãi suất huy động các NHTM tiếp tục xu hướng tăng vốn bắt đầu trong nửa đầu tháng 11. Trong khi đó, tỷ giá tiếp tục đà tăng lên mức cao 25.580 VND/USD do chênh lệch lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và Việt Nam vẫn ở mức đáng kể từ đó làm tăng giá hàng hoá và nguyên vật liệu nhập khẩu từ thị trường nước ngoài.

- Ngoài ra, sau 2 năm thực hiện Nghị định 08/2023/NĐ-CP, áp lực đáo hạn TPDN dự kiến sẽ dồn về nửa sau năm 2025, đặc biệt là quý 3 với lượng TPDN đáo hạn lên tới khoảng 120 nghìn tỷ đồng, trong đó 46% thuộc về các doanh nghiệp bất động sản.
- Về mặt định giá, với sự điều chỉnh của VN-Index trong những ngày đầu năm 2025, P/E của VN-Index giảm từ 13,29x cuối tháng 12/2024 xuống 12,97x tại ngày 9/1/2025, thấp hơn -1 độ lệch chuẩn (Std) của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 dự kiến ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong quý cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 11,92x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VN MID (17,42x) và VNSML (14,21x).

## Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 1/2025:

- Với các diễn biến nêu trên, chúng tôi cho rằng mặc dù triển vọng kinh tế Việt Nam khá tích cực, trong ngắn hạn, thị trường vẫn phải đối mặt với khó khăn về dòng tiền khi vốn ngoại tiếp tục bán ròng trong bối cảnh đồng USD và lợi suất TPCP Mỹ tăng trở lại. Trước áp lực về tỷ giá và ngành ngân hàng đang cần thanh khoản để đáp ứng nhu cầu vốn tăng cao dịp cuối năm, dự kiến dòng tiền nội vào TTCK sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. Do đó, chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 1 như sau:



## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2025 (tiếp)

**Kịch bản 1:** Thị trường đã có nhịp tăng đầu tiên từ 1198 điểm từ ngày 20/11/2024, làm cơ sở cho các dự phóng nhịp tăng tiếp theo của thị trường. Chúng tôi dự báo VN-Index có thể có nhịp hồi phục diễn ra tại ngưỡng Hỗ trợ 2. Trong kịch bản này, nhà đầu tư xem xét giao dịch ngắn hạn, đồng thời quản trị vốn chặt chẽ.

**Kịch bản 2:** Do thị trường chưa hoàn toàn xác nhận đi lên, các cổ phiếu lớn hầu hết chưa trở lại pha tăng giá, trong khi các cổ phiếu midcap vẫn đang trong quá trình tạo đáy. Do đó, nhà đầu tư vẫn cần quản trị giao dịch và quản trị vốn chặt chẽ, sẵn sàng cho các rủi ro có thể xảy ra. Trường hợp thị trường không hồi phục ở các ngưỡng Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2 nêu trên thể hiện đà tăng giá suy yếu và rủi ro tăng dần.

**Mức đáy đã tạo ra trước đó ở 1198 điểm là ngưỡng phân định rủi ro cơ sở của thị trường.** Nếu như VN-Index vẫn giữ được mốc 1198 trong tháng 1/2025 cùng khối lượng giao dịch ổn định ở mức thấp, vẫn có cơ hội để giao dịch ngắn hạn.

Trường hợp VN-Index phá qua mốc đáy 1198 điểm sẽ xác nhận kịch bản xấu mà chúng tôi đã đề cập trong Báo cáo chiến lược 2025.

### Khuyến nghị

Với dự báo các kịch bản của thị trường nêu trên, chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn từ các ngưỡng Hỗ trợ 2 đến các ngưỡng kháng cự của thị trường.

Nhà đầu tư nên lựa chọn các cổ phiếu có xu hướng tăng giá đồng pha 3 cấp độ, trên các khung thời gian ngày, tuần, tháng để có sự an toàn và hiệu quả cao trong đầu tư và giao dịch.

Các ngành đáng chú ý cho nhịp tăng tiếp theo bao gồm: Ngân hàng, Chứng khoán, Đầu tư công, BĐS khu công nghiệp, Cảng, Công nghệ, Dược ...

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS trong tháng 1/2025 được trình bày ở phần sau của báo cáo này.

# TRIỆU VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2025 (tiếp)



# MỤC LỤC

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI	<u>08</u>
TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM	<u>13</u>
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	<u>20</u>
NHẬN ĐỊNH & KHUYẾN NGHỊ	<u>28</u>



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của  
Trung tâm Tư vấn Đầu tư ABS



# TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest

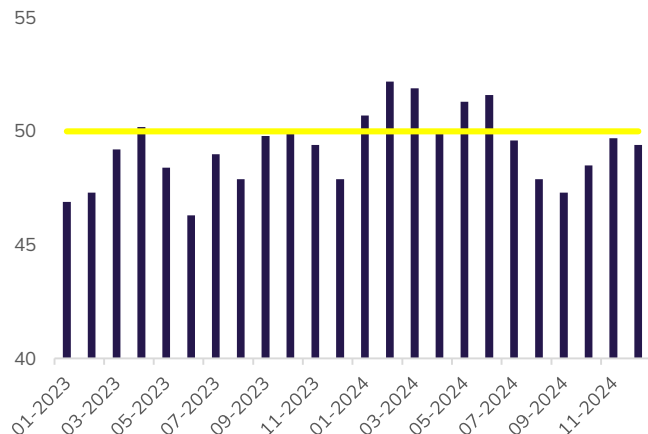


Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



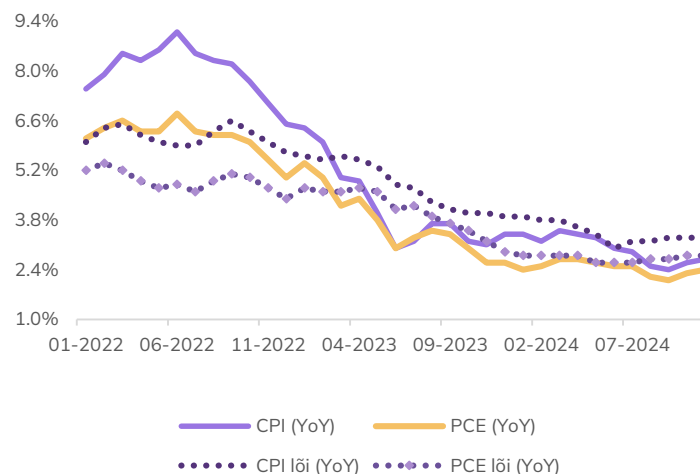


### PMI thu hẹp tháng thứ 6 liên tiếp



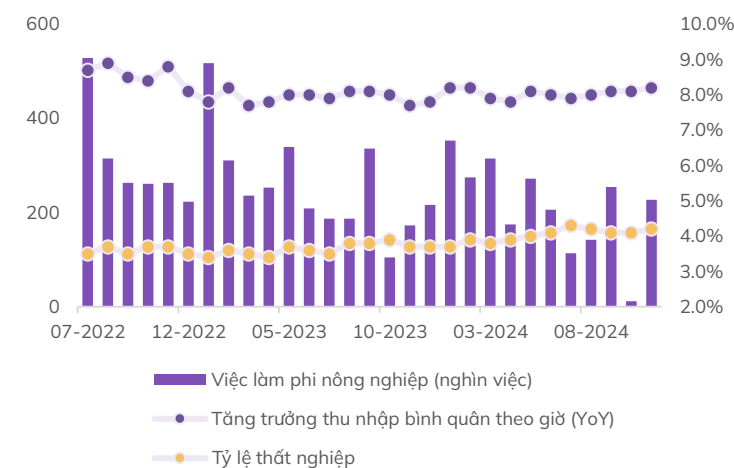
Nguồn: Investing, ABS Research

### CPI Mỹ tăng 2.7% trong tháng 11



Nguồn: Investing, ABS Research

### Số liệu việc làm khá tích cực



Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số nhà quản trị mua hàng lĩnh vực sản xuất (PMI) tháng 12 chỉ đạt 49,4 điểm, giảm nhẹ so với tháng 11 ở mức 49,7, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất đã xấu đi trong sáu tháng liên tiếp.
- Sản lượng sản xuất đã giảm trong tháng thứ năm liên tiếp, với tốc độ suy giảm nhanh nhất trong một năm rưỡi. Sản lượng thấp hơn phản ánh phần nào sự sụt giảm trong các đơn đặt hàng mới. Tỷ lệ lạm phát chi phí đầu vào tăng mạnh vào cuối năm. Trong khi đó, thời gian giao hàng của nhà cung cấp đã kéo dài lên mức cao nhất kể từ tháng 10 năm 2022. Tuy nhiên, kỳ vọng tích cực cho năm 2025 đã khuyến khích các nhà sản xuất tăng số lượng nhân sự trong tháng thứ hai liên tiếp.

- Theo báo cáo của Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ (BLS), chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ trong tháng 11/2024 đã tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức 2,6% của tháng trước. Hầu hết các mặt hàng trong rổ hàng hóa tính CPI đều tăng trừ năng lượng.
- PCE lõi, thước đo lạm phát ưa thích của FED, tăng 2.8% svck, tương đương mức của tháng 10 và thấp hơn so với dự báo là 2.9%. Mặc dù lạm phát thấp hơn nhiều so với mức đỉnh giữa năm 2022, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của Fed. Nhiều các chuyên gia kinh tế cho rằng lạm phát sẽ tiếp tục giảm nhưng với tốc độ chậm hơn, khiến Fed giảm số lần cắt giảm lãi suất.

- Trong tháng 11/2024, nền kinh tế Mỹ đã tạo ra 227.000 việc làm phi nông nghiệp, vượt qua dự báo của Dow Jones và cao gấp 6 so với tháng trước (do tác động của thiên tai và đình công). Trong đó, chăm sóc sức khỏe, giải trí và khách sạn là 2 lĩnh vực có số lượng việc làm tăng nhiều nhất, lần lượt là 53.000 và 33.000. Tuy nhiên, lĩnh vực bán lẻ giảm 28.000 việc làm, cho thấy những khó khăn của ngành này trong bối cảnh chi tiêu tiêu dùng còn nhiều bất ổn.
- Tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 4,2% so với mức 4,1% của tháng trước. Mức lương của người lao động tiếp tục tăng, với thu nhập bình quân mỗi giờ tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái.

# DXY và lợi suất TPCP Mỹ 10 năm đồng thời tăng mạnh

## DXY tăng mạnh sau thông điệp FED gửi đi



Nguồn: Investing, ABS Research

## Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm trên ngưỡng 4.6% (Đơn vị : %)



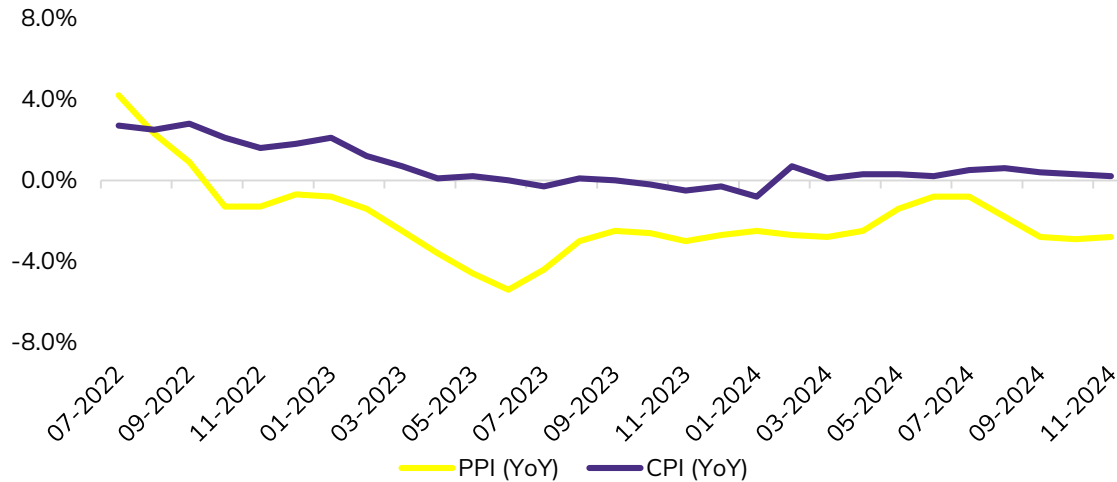
Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong cuộc họp vào tháng 12, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ ba liên tiếp kể từ tháng 9/2024, đưa lãi suất xuống phạm vi 4,25 - 4,50% trong bối cảnh nền kinh tế của Mỹ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ vững chắc, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp và lạm phát vẫn ở mức cao. Đồng thời, FED phát đi tín hiệu cắt giảm lãi suất sẽ chậm lại trong thời gian tới, với dự kiến sẽ chỉ cắt giảm lãi suất khoảng 2 lần, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm, để đưa lãi suất chuẩn về phạm vi 3,75 - 4,00% vào cuối năm 2025. Chúng tôi cho rằng, chính sách tiền tệ của FED trong năm 2025 trở nên rất khó đoán khi lạm phát vẫn đang là bài toán khó giải.
- Ngay sau khi FED phát ra thông điệp trên, chỉ số USD Index (DXY) liên tục tăng mạnh và đạt mức cao nhất 109,39 tại ngày 02/01/2025, đây là mức cao nhất trong 2 năm vừa qua.

- FED bắt đầu hạ lãi suất 0.5 điểm phần trăm từ ngày 18/09. Dù lãi suất của Fed được cắt giảm, lãi suất trên thị trường tài chính Mỹ vẫn tiếp tục tăng mạnh. Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm có mức tăng mạnh (tăng hơn 100 điểm cơ bản) sau khi tạo đáy vào ngày 24/09. Nguyên nhân được cho là:
  - Thị trường cho rằng FED sẽ cắt giảm lãi suất một cách thận trọng do ngại lạm phát.
  - Những quan ngại về gánh nặng nợ công gia tăng của Mỹ với nợ công Mỹ đạt mức 35,5 nghìn tỷ USD vào cuối năm 2024 tăng hơn 1.5 nghìn tỷ so với đầu năm.
  - Những căng thẳng địa chính trị và nhu cầu gia tăng ở phần còn lại của thế giới đối với các khoản đầu tư trong nước đe dọa làm giảm lượng thặng dư có thể chuyển vào thị trường Mỹ.

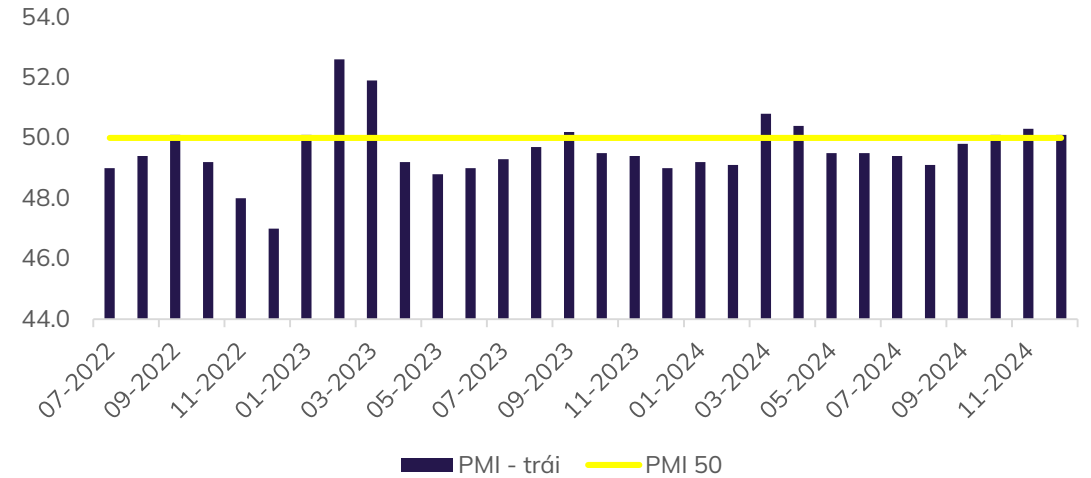
## ◉ Lạm phát và sản xuất Trung Quốc suy giảm

### Lạm phát tiếp tục ở mức thấp



Nguồn: Investing, ABS Research

### Ngành sản xuất có tháng thứ 3 liên tiếp mở rộng



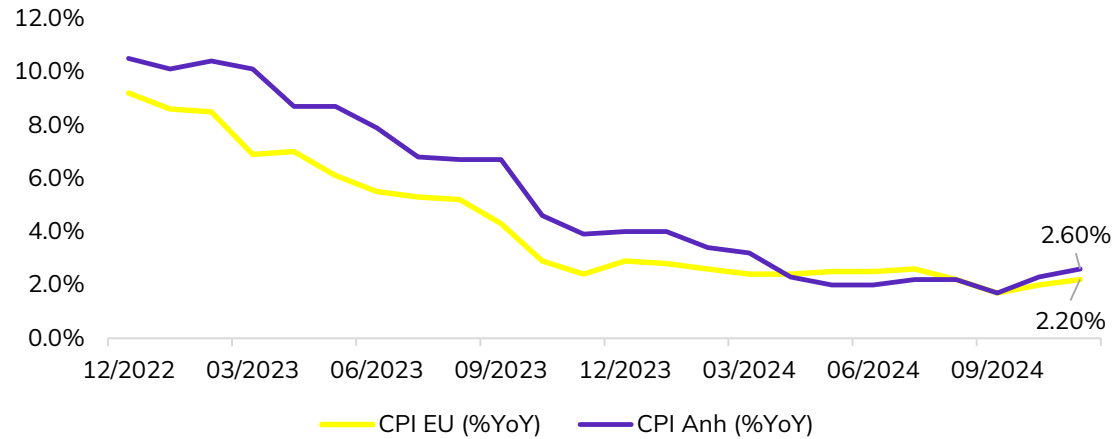
Nguồn: Investing, ABS Research

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2024 tăng 0,2% svck, dưới mức tăng 0,3% trong tháng 10 và mức dự đoán tăng 0,5% của các chuyên gia kinh tế, đây cũng là mức thấp nhất trong năm tháng qua. Trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với thách thức kép từ cả trong và ngoài nước, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) khẳng định sẽ cắt giảm lãi suất và tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các ngân hàng "vào thời điểm thích hợp". Trước đó, PBOC đã có kế hoạch cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) vào cuối năm 2024. Nhưng, hành động này nhiều khả năng sẽ được dời sang quý 1/2025, nhằm dự phòng cho những biến động của thị trường (đặc biệt từ phía Mỹ).
- Chỉ số giá sản xuất (PPI) trong tháng 11/2024 giảm 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn mức giảm 2,9% trong tháng 10/2024 và cao hơn mức giảm 2,8% được dự báo. Các số liệu càng làm nổi bật rủi ro giảm phát ở nước này bất chấp các biện pháp kích thích gần đây từ Bắc Kinh và chính sách tiền tệ nới lỏng hơn của ngân hàng trung ương Trung Quốc.

- Chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc trong tháng 12 đạt 50,1, giảm nhẹ 0,2 điểm phần trăm so với tháng trước và thấp hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường là 50,3. Các chỉ số phụ cho thấy 1 bức tranh trái chiều. Chỉ số sản xuất giảm 0,3 điểm xuống 52,1, trong khi chỉ số đơn đặt hàng mới tăng 0,2 điểm lên 51,0. Chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp tiếp tục tăng, tăng 0,7 điểm lên 50,9. Tuy nhiên, hàng tồn kho nguyên liệu thô vẫn trong tình trạng thu hẹp, chỉ tăng 0,1 điểm lên 48,3.
- Chúng tôi cho rằng, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc chỉ hồi phục trong ngắn hạn chứ chưa thật sự bền vững khi có nguy cơ phải đối mặt các mức thuế quan mới từ nhiệm kỳ thứ hai của ông Donald Trump, trong khi vẫn đang phải ứng phó với các yếu tố bất lợi khác (nhu cầu trong nước còn yếu, giá đầu ra tiếp tục sụt giảm). Với tình hình này, nền kinh tế Trung Quốc sẽ cần thêm các biện pháp kích thích kinh tế và các chính sách khác để củng cố đà tăng trưởng đang mong manh.

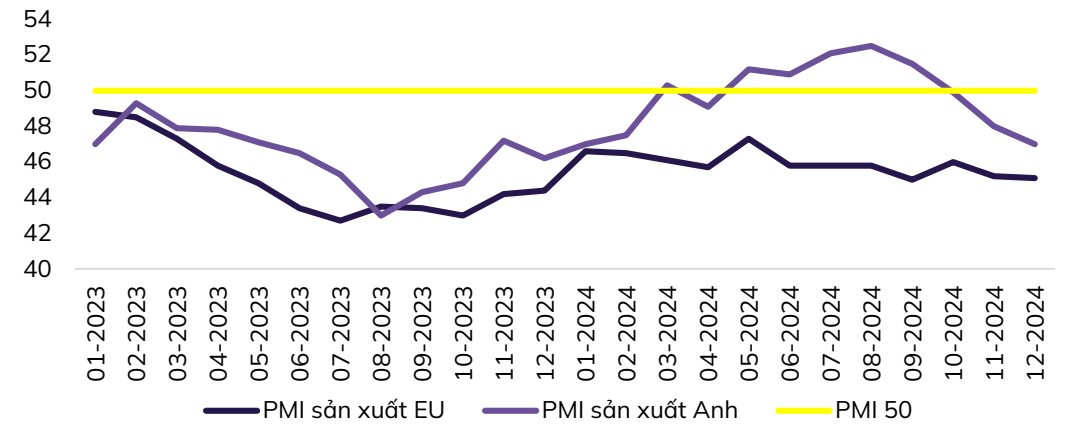
# Sản xuất châu Âu gặp khó, lạm phát ở mức thấp

### Lạm phát EU tăng như kỳ vọng



Nguồn: Investing, ABS Research

### PMI Anh và EU – Đồng thời sụt giảm



Nguồn: Investing, ABS Research

- Trong tháng 11/2024, tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực đồng Euro đã tăng lên mức 2,2%, so với 2,0% của tháng 10 và lần đầu tiên vượt mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) sau ba tháng. Điều này phần lớn đã được dự báo từ trước khi giá năng lượng không còn tác động mạnh làm giảm CPI. CPI lõi (ngoại trừ năng lượng và thực phẩm) giữ nguyên ở mức 2,7% trong 3 tháng liên tiếp. Việc lạm phát tiếp tục được giữ ổn định củng cố niềm tin của các nhà hoạch định chính sách trong việc tiếp tục cắt giảm lãi suất. Tuy nhiên, ECB vẫn đang thận trọng với lộ trình điều chỉnh lãi suất khi ngân hàng này cho biết sẽ dựa vào dữ liệu kinh tế mới nhất để đưa ra quyết định tại từng cuộc họp, thay vì đưa ra cam kết cụ thể về việc cắt giảm lãi suất trong tương lai.
- CPI ở Anh tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức 2,3% của tháng 10 và đạt mức cao nhất kể từ tháng 3 năm 2024. Trước những lo ngại về lạm phát dai dẳng, ngân hàng trung ương Anh (BoE) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 4,75% vào ngày 19/12. Đồng thời, đưa ra thông điệp cẩn trọng, không giảm lãi suất quá nhanh hoặc quá nhiều.

- PMI sản xuất của Eurozone đã giảm 0,1 điểm xuống còn 45,1 điểm vào tháng 12, duy trì dưới ngưỡng 50 (từ 45,2 vào tháng 11), qua đó báo hiệu sự suy giảm mạnh hơn về điều kiện sản xuất trên toàn khu vực đồng Euro. Đây là tháng thứ 30 liên tiếp ghi nhận sự suy giảm, tốc độ suy giảm cao hơn so với mức trung bình trong giai đoạn thu hẹp bắt đầu vào tháng 6 năm 2022. Trong đó, số lượng đơn hàng mới và hoạt động sản xuất tiếp tục giảm, dẫn tới việc các nhà sản xuất tiếp tục cắt giảm lực lượng lao động. Dù đối mặt với nhiều thách thức hiện tại, niềm tin kinh doanh đã tăng nhẹ, đạt mức cao nhất trong bốn tháng qua, cho thấy sự lạc quan thận trọng về khả năng phục hồi trong ngành sản xuất. Tại các quốc gia trong Eurozone, Tây Ban Nha và Hy Lạp ghi nhận sự cải thiện trong điều kiện sản xuất, trái ngược với sự suy thoái tiếp tục tại Đức, Pháp và Ý.
- Tương tự với ngành sản xuất tại EU, trong tháng 12/2024, lĩnh vực sản xuất của Vương quốc Anh tiếp tục suy giảm, với PMI ngành sản xuất giảm xuống 47,0 từ mức 48,0 của tháng 11. Sự suy giảm này phản ánh nhu cầu yếu đối với hàng hóa sản xuất, dẫn đến giảm sản lượng và việc làm trong ngành.



# TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest

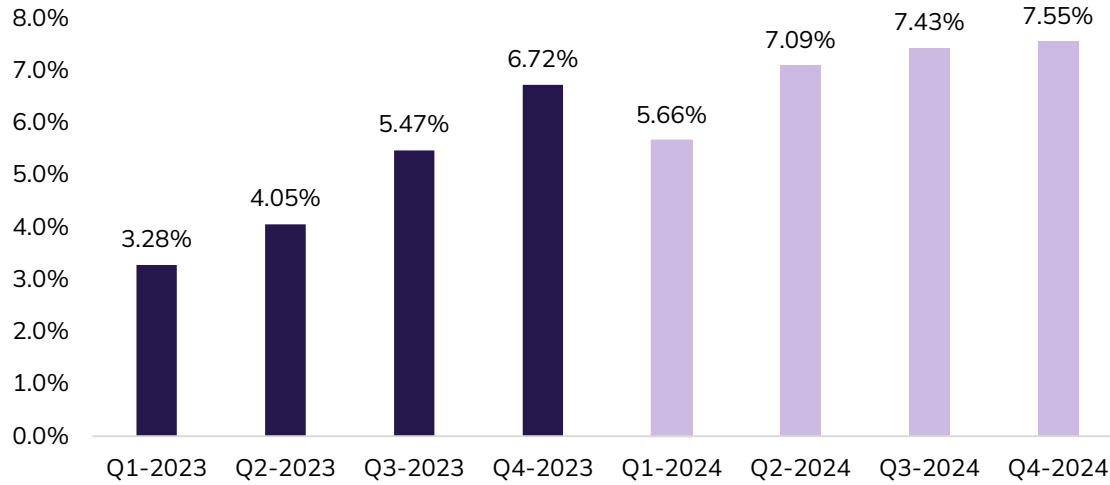


Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



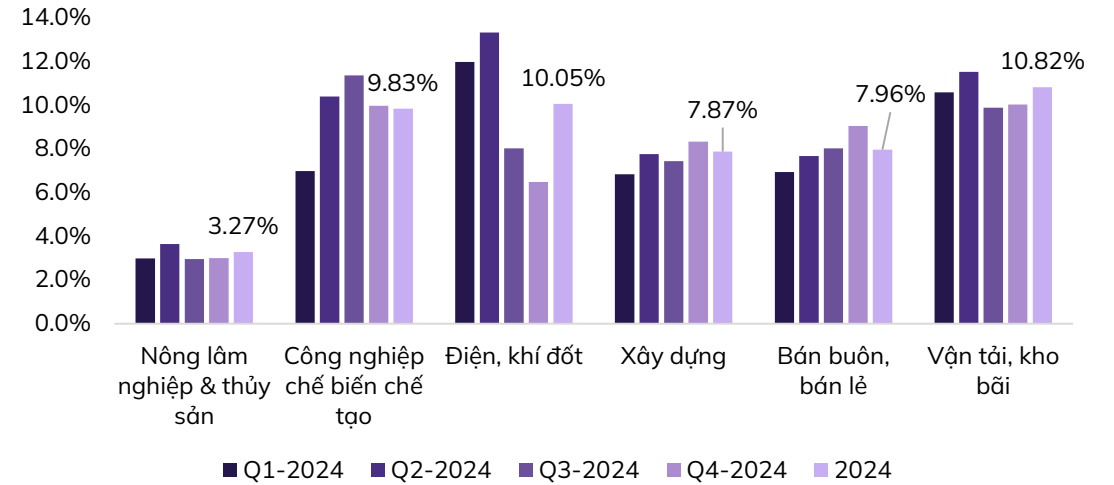
# • GDP năm 2024 tăng vượt kỳ vọng

Tăng trưởng GDP Q4 tăng 7,55 (% svck)



Nguồn: GSO, ABS Research

Các ngành tăng trưởng ấn tượng trong năm 2024



Nguồn: GSO, ABS Research

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 4/2024 tăng 7,55% svck, đây là mức tăng trưởng GDP ấn tượng, cao nhất trong 6 năm trở lại đây. Giống như năm 2023, nền kinh tế duy trì xu hướng GDP quý sau cao hơn quý trước (quý 1 tăng 5,98%, quý 2 tăng 7,25%, quý 3 tăng 7,43%, quý 4 tăng 7,55%). Tính chung cả năm 2024, GDP tăng trưởng 7,09% so với năm trước, xét trong giai đoạn 2011 - 2024, tốc độ tăng GDP năm 2024 chỉ thấp hơn tốc độ tăng các năm 2018, 2019 và 2022.
- Tăng trưởng GDP của năm 2024 đã vượt qua được mục tiêu do Quốc hội đề ra (6 - 6,5%) và nhiều dự báo của các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Kết quả tăng trưởng ấn tượng này đạt được là do sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, ngành du lịch duy trì đà tăng trưởng với các chương trình quảng bá được đẩy mạnh, xuất nhập khẩu và giải ngân FDI tiếp tục lập kỷ lục, lạm phát trong tầm kiểm soát.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong năm 2024 ước đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% svck, thấp hơn mức tăng +9,6% svck đạt được trong 2023.

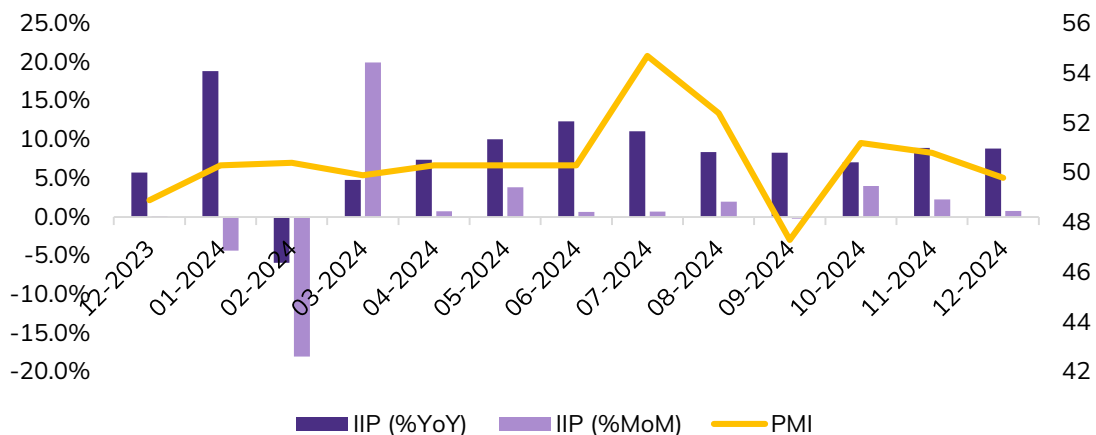
Xét theo nhóm ngành:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt mức tăng trưởng 3,27%, cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2019, 2020, 2021 trong giai đoạn 2019–2024, dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ.
- Khu vực công nghiệp và xây dựng là điểm sáng khi tăng trưởng mạnh nhất trong các khu vực. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2024 tăng 8,32% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022 trong giai đoạn 2019-2024. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,43%.
- Khu vực dịch vụ tiếp tục giữ vững là khu vực có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nền kinh tế (42,36%) trong năm 2024. Bên cạnh đó, khu vực này cũng tăng trưởng tích cực (7,38%) nhờ đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn như bán buôn và bán lẻ tăng 7,96%, ngành vận tải, kho bãi tăng 10,82%.



# PMI ngành sản xuất mất đi động lực mở rộng

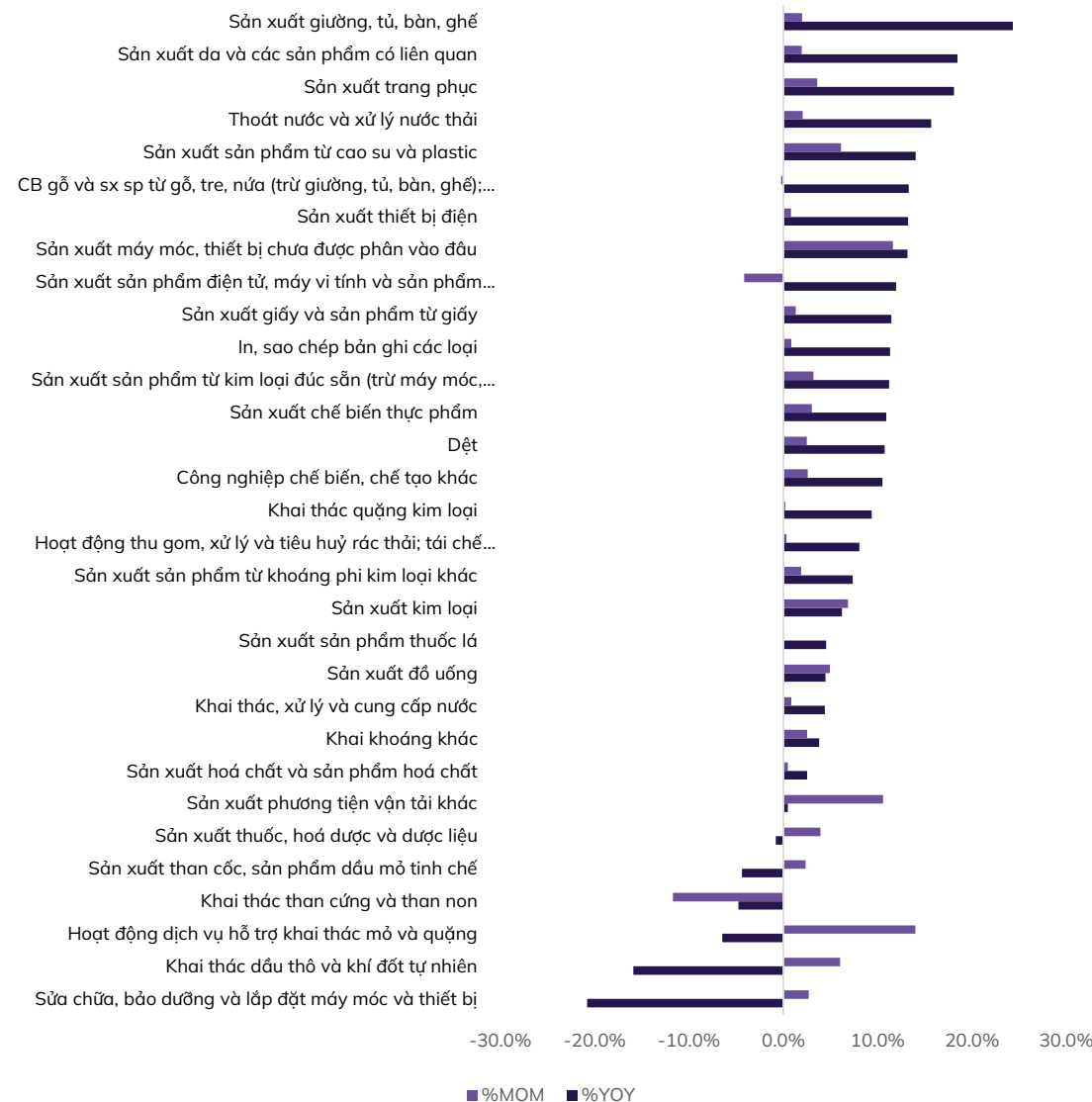
PMI sụt giảm dưới mức 50 trong tháng cuối năm



Nguồn: GSO, S&P Global, ABS Research

- Chỉ số PMI của Việt Nam đạt 49,8 điểm trong tháng 12, giảm từ mức 50,8 điểm của tháng 11, đánh dấu lần đầu tiên trong ba tháng chỉ số này rơi xuống dưới ngưỡng 50 điểm. Sản lượng và đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, nhưng với tốc độ chậm hơn, cho thấy sự suy giảm nhẹ trong điều kiện kinh doanh tổng thể. Đơn đặt hàng xuất khẩu giảm tháng thứ hai liên tiếp với tốc độ giảm mạnh, phản ánh nhu cầu thị trường quốc tế yếu. Việc làm giảm tháng thứ ba liên tiếp, với tốc độ giảm mạnh nhất kể từ tháng 8, do các doanh nghiệp điều chỉnh nhân sự trong bối cảnh tăng trưởng đơn hàng mới yếu. Áp lực lạm phát tăng lên với chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng với tốc độ nhanh hơn so với tháng 11.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 ước tính tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,6%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,4%. Ngược lại, ngành khai khoáng sụt giảm 3,7%. Chỉ số sản xuất của một số ngành cấp II tăng cao so với năm 2023, đặc biệt trong số đó phải kể tới sản xuất giường tủ, bàn, ghế tăng 24,3%.

Thống kê tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo nhóm ngành (T12/2024)

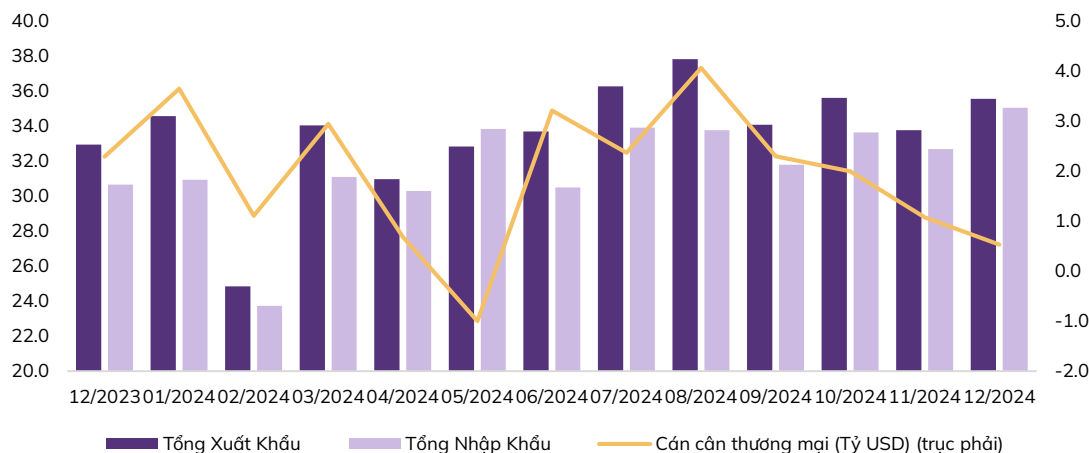


Nguồn: GSO, ABS Research

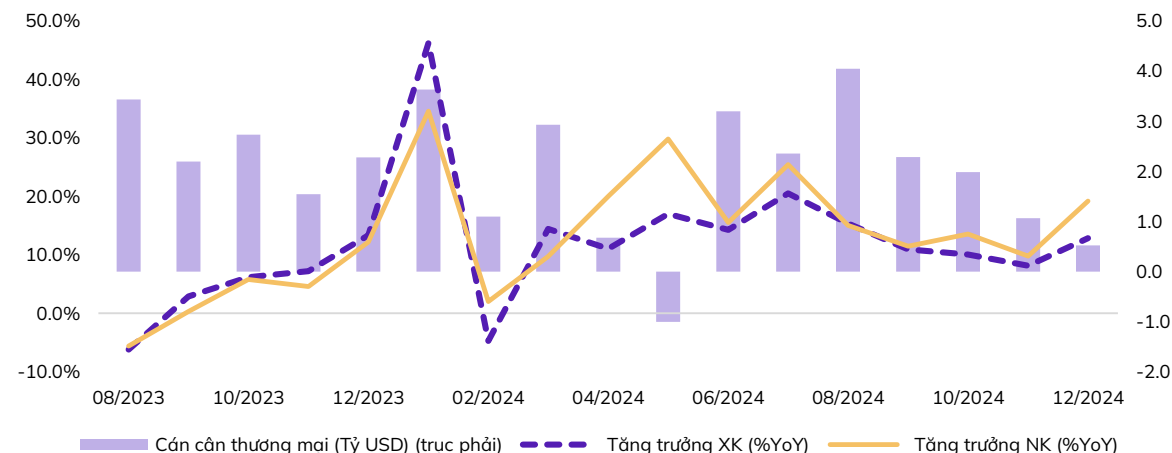
# ➤ Xuất nhập khẩu tăng trưởng ấn tượng trong năm 2024

- **Xuất – nhập khẩu:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2024, ước đạt 70,53 tỷ USD, tăng 6,2% so với tháng trước và tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Kim ngạch xuất khẩu sơ bộ đạt 35,53 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước và tăng 12,8% svck. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,68 tỷ USD, tăng 17,6% svck; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 24,85 tỷ USD, tăng 10,9% svck. Nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 35,01 tỷ USD, tăng 7,2% so với tháng trước và tăng 19,2% svck.
- Cán cân thương mại tháng 12/2024 ước tính xuất siêu 0,52 tỷ USD, giảm so với 1,06 tỷ USD đạt được tháng trước.
- Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% svck trong khi kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD (năm trước xuất siêu 28,4 tỷ USD).
- Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD.
- Trong năm 2024 có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,0%). Trong đó đồ điện tử, máy tính và linh kiện đạt 72,58 tỷ USD, tăng 26,6% svck; điện thoại và linh kiện đạt 53,89 tỷ USD, tăng 2,9% svck. Có 46 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93,1% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 6 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 54,0%). Các mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất gồm điện tử, máy tính và linh kiện (+21,7% svck); máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+17,6%) và vải (+14,5% svck).
- Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 23,85 tỷ USD, tăng 17,7% so với năm trước, Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ cả năm 2024 ước đạt 36,19 tỷ USD. Từ đó, nhập siêu dịch vụ năm 2024 ước đạt 12,34 tỷ USD.

**Xuất siêu gần 25 tỷ USD trong năm 2024 (Đvt: Tỷ USD, %YoY)**



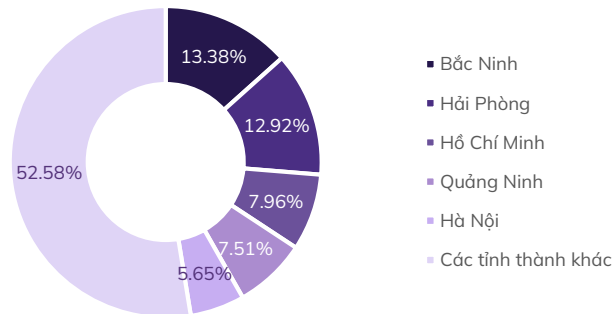
**Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao hơn xuất khẩu (Đvt: Tỷ USD, %YoY)**



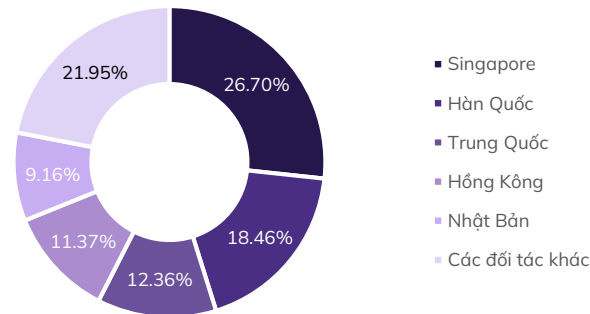
# ➤ Dòng vốn FDI giải ngân cao kỷ lục

- Tính đến hết năm 2024, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà ĐTNN đạt gần 38,23 tỷ USD, giảm 3% so với năm 2023. Trong đó, tổng vốn đăng ký mới đạt hơn 19,7 tỷ USD (giảm 7,6% so với năm 2023), tổng vốn điều chỉnh tăng thêm đạt gần 14 tỷ USD (tăng 50,4% so với năm 2023), tổng giá trị vốn góp đạt gần 4,54 tỷ USD (giảm 48,1% so với năm 2023). Các dự án đầu tư nước ngoài đã giải ngân được khoảng 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023, đây cũng là mức giải ngân cao nhất từ trước đến nay.
- Về lĩnh vực đầu tư, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 25,58 tỷ USD, chiếm 66,9% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 1,1% so với năm 2023. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 6,31 tỷ USD, chiếm 16,5% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 18,8% so với năm 2023.
- Về đối tác đầu tư, Singapore tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10,21 tỷ USD, chiếm hơn 26,7% tổng vốn đầu tư, tăng 31,4% so với năm 2023. Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 7,06 tỷ USD, chiếm 18,5% tổng vốn đầu tư, tăng 37,5% so với năm 2023. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản,...
- Theo địa bàn đầu tư, Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 5,12 tỷ USD, chiếm 13,4% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp hơn 2,8 lần cùng kỳ. Hải Phòng đứng thứ hai với hơn 4,94 tỷ USD, chiếm 12,9% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 42,4% so với năm 2023. Sau đó là TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hà Nội, Bình Dương,...
- Trong năm 2024, Chính phủ đã triển khai nhiều cơ chế chính sách nổi bật trong thu hút ĐTNN: Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1018/QĐTTg ngày 21/09/2024); Nghị định số 182/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư. Kết quả là nhiều dự án lớn được hình thành, niềm tin của các nhà đầu tư càng được củng cố.

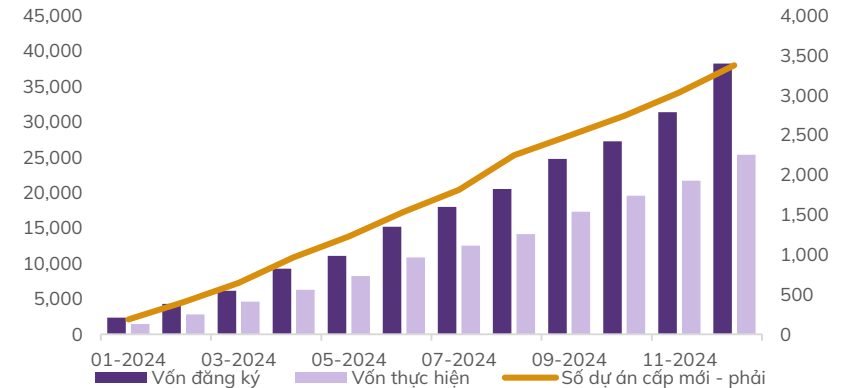
**Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo địa phương**



**Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác**

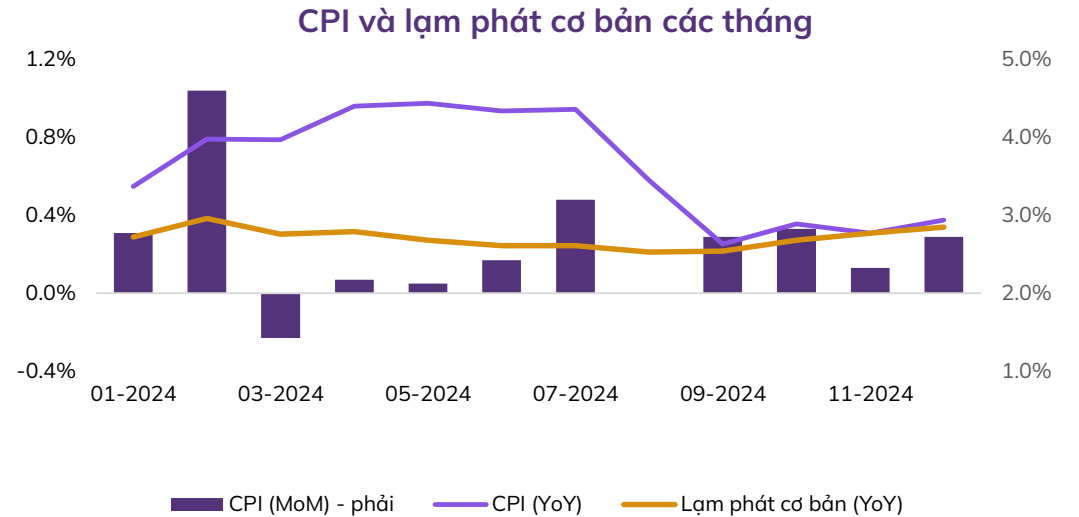


**Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Đvt: Tỷ USD)**



## ☛ CPI đạt được mục tiêu đề ra

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng 3.63% svck, đạt được mục tiêu quốc hội đề ra là dưới 4%.
- Trong mức tăng 3.63% svck của CPI trong năm 2024, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tác động mạnh nhất làm tăng CPI, tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm, do giá gạo tăng mạnh (15,93%) theo giá gạo thế giới và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp lễ, Tết. Theo sau là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân. Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%, do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh. Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số địa phương đã tăng mức học phí.
- Bên cạnh đó, một số yếu tố góp phần làm giảm tốc độ tăng CPI năm 2024. Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông năm 2024 giảm 1,02% so với năm 2023 do giá điện thoại thế hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với dòng điện thoại thông minh.



Nguồn: GSO, ABS Research

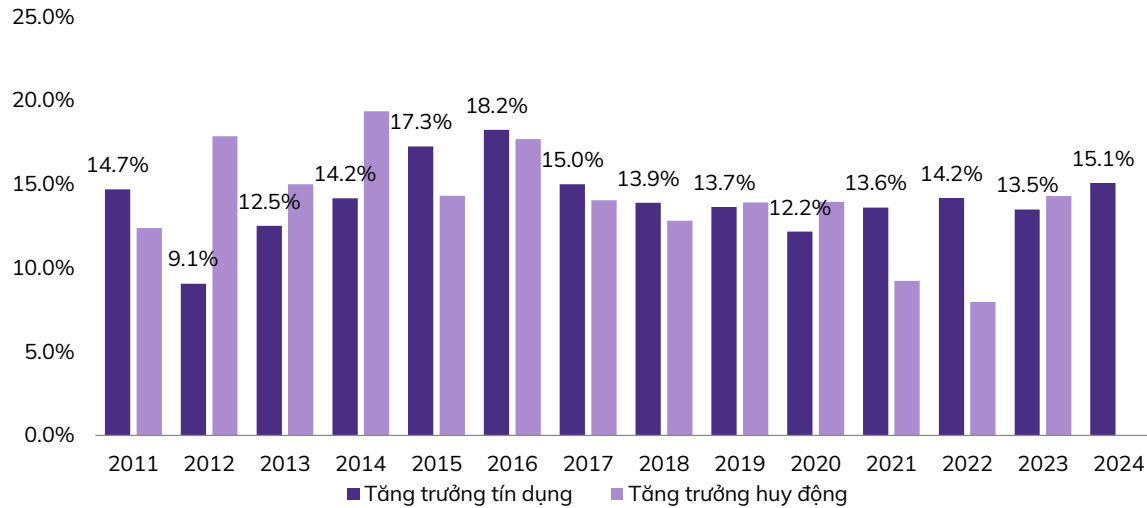
### Thống kê giỏ hàng hóa tiêu dùng các tháng

Giỏ hàng hóa tiêu dùng	01-2024	02-2024	03-2024	04-2024	05-2024	06-2024	07-2024	08-2024	09-2024	10-2024	11-2024	12-2024	Cả năm
<b>CPI (YoY)</b>	<b>3.37%</b>	<b>3.98%</b>	<b>3.97%</b>	<b>4.40%</b>	<b>4.44%</b>	<b>4.34%</b>	<b>4.36%</b>	<b>3.45%</b>	<b>2.63%</b>	<b>2.89%</b>	<b>2.77%</b>	<b>2.94%</b>	<b>3.63%</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.31%	4.23%	4.05%	4.32%	4.47%	4.66%	4.27%	3.74%	3.94%	4.45%	4.12%	3.87%	4.03%
Lương thực	15.63%	17.36%	16.54%	15.45%	14.83%	14.78%	14.39%	10.97%	8.37%	8.23%	6.13%	4.58%	12.19%
Thực phẩm	-0.34%	2.14%	1.94%	2.49%	2.87%	3.23%	2.75%	2.55%	3.24%	4.06%	3.87%	3.72%	2.70%
Ăn uống ngoài gia đình	3.60%	4.20%	4.29%	4.37%	4.25%	4.09%	3.94%	3.72%	3.84%	3.81%	3.87%	3.95%	3.99%
Đồ uống và thuốc lá	1.70%	2.64%	2.63%	2.60%	2.61%	2.63%	2.52%	2.39%	2.30%	2.26%	2.34%	2.40%	2.42%
Máy mặc và giày dép	1.39%	1.64%	1.60%	1.80%	1.70%	1.48%	1.34%	1.20%	1.17%	1.13%	1.14%	1.16%	1.40%
Nhà ở và VLXD	6.39%	4.95%	4.87%	5.97%	5.30%	5.60%	5.59%	5.00%	4.37%	4.21%	5.06%	5.16%	5.20%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.14%	1.31%	1.18%	1.37%	1.33%	1.23%	1.15%	1.14%	1.17%	1.33%	1.41%	1.49%	1.27%
Thuốc và dịch vụ y tế	6.52%	6.52%	6.48%	7.44%	7.41%	8.04%	8.13%	8.30%	8.28%	8.28%	5.28%	5.32%	7.16%
Giao thông	1.58%	2.55%	2.68%	4.24%	5.58%	3.03%	4.40%	-1.46%	-5.33%	-3.25%	-3.30%	-0.89%	0.76%
Bưu chính viễn thông	-1.41%	-1.48%	-1.47%	-1.50%	-1.42%	-1.18%	-1.06%	-0.74%	-0.42%	-0.37%	-0.57%	-0.61%	-1.02%
Giáo dục	8.39%	8.55%	10.12%	8.31%	8.14%	8.01%	8.00%	7.13%	1.21%	-0.54%	-0.81%	-1.08%	5.37%
Văn hóa, giải trí và du lịch	0.90%	1.71%	1.45%	1.94%	2.01%	2.35%	2.29%	2.32%	2.03%	2.09%	2.20%	2.31%	1.97%
Đồ dùng và dịch vụ khác	5.79%	6.49%	6.32%	6.23%	6.19%	5.97%	6.93%	6.91%	6.98%	7.03%	7.00%	6.89%	6.56%

1: GSO, ABS Research

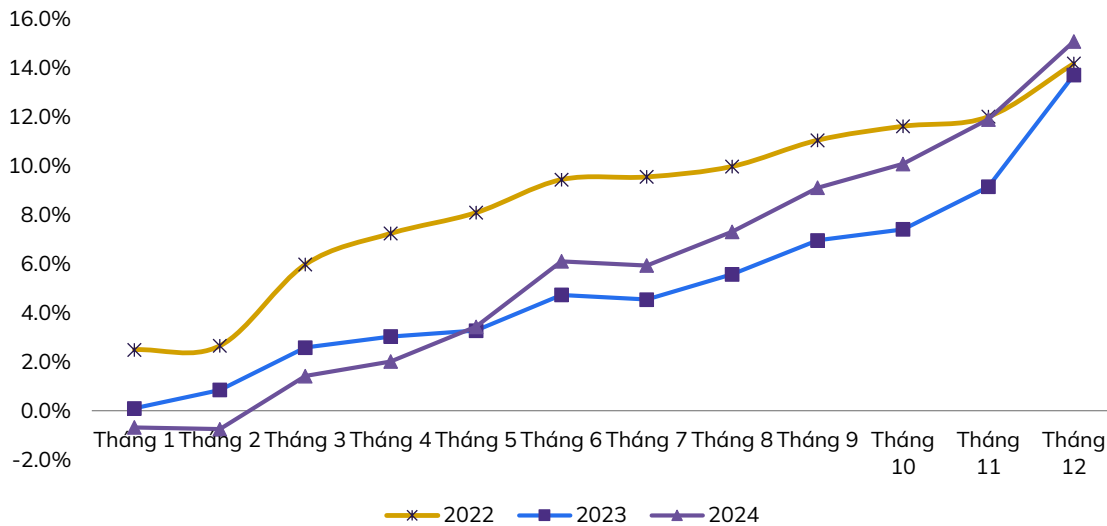
# Tăng trưởng tín dụng 2024 đạt mục tiêu

## Tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt 15,08%



Nguồn: NHNN, GSO, ABS Research

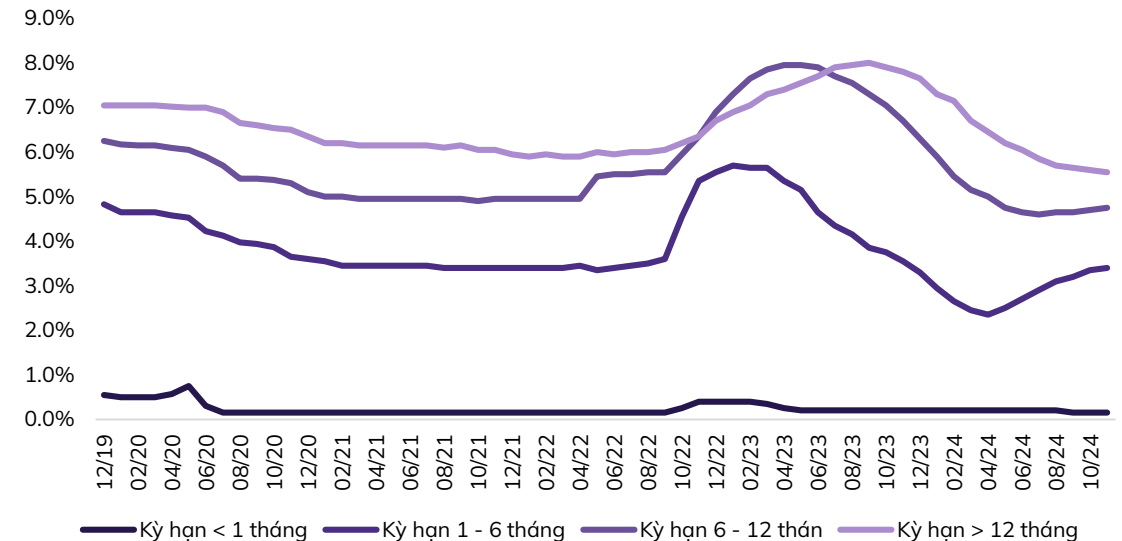
## Tăng trưởng tín dụng theo tháng so với đầu năm (2022-2024)



Nguồn: NHNN, GSO, ABS Research

- Tính đến hết năm 2024, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 15,08%, đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15%. Tổng lượng tín dụng trong toàn nền kinh tế đạt 15,6 triệu tỷ đồng, Chỉ riêng trong năm 2024, lượng tín dụng được hệ thống ngân hàng bơm ra nền kinh tế là gần 2,1 triệu tỷ đồng, cao hơn nhiều so với chỉ 1,5 triệu đồng được bơm trong năm 2023.
- Tín dụng tăng trưởng âm trong 2 tháng đầu năm và tăng tốc dần trong nửa cuối năm, khá tương đồng với các giai đoạn cùng kỳ trong 3 năm trở lại đây. Tính đến hết tháng 11, tăng trưởng tín dụng cả nước đạt 11.9% và tiếp tục tăng lên mức 15,08% vào ngày 31/12. Sang năm 2025, NHNN dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 16%.
- Trong năm, NHNN giữ nguyên mức lãi suất điều hành. Tính đến cuối năm, lãi suất huy động tăng bình quân khoảng 0,71% YTD, còn lãi suất cho vay giảm khoảng 0,59% YTD.

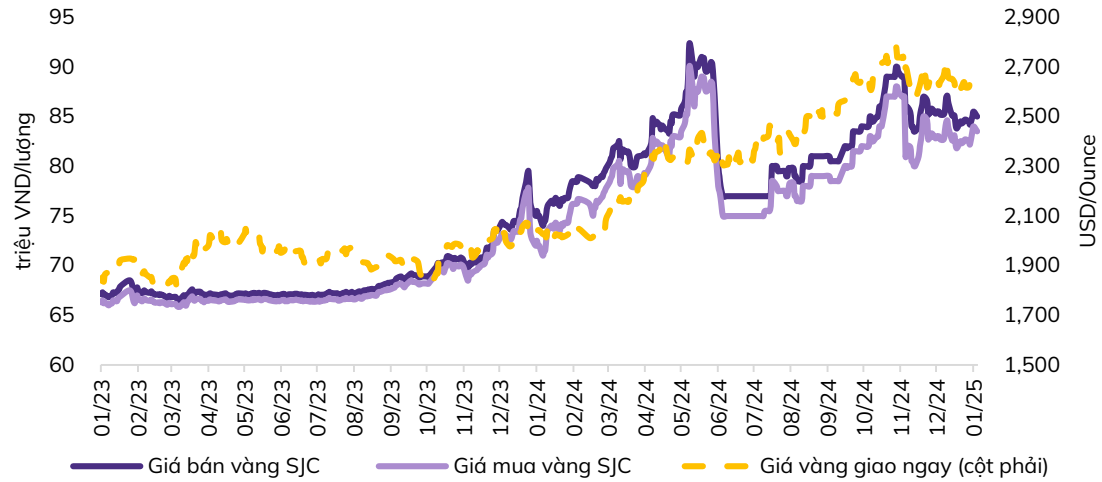
## Lãi suất huy động có xu hướng tăng trở lại



Nguồn: Finnpro, ABS Research

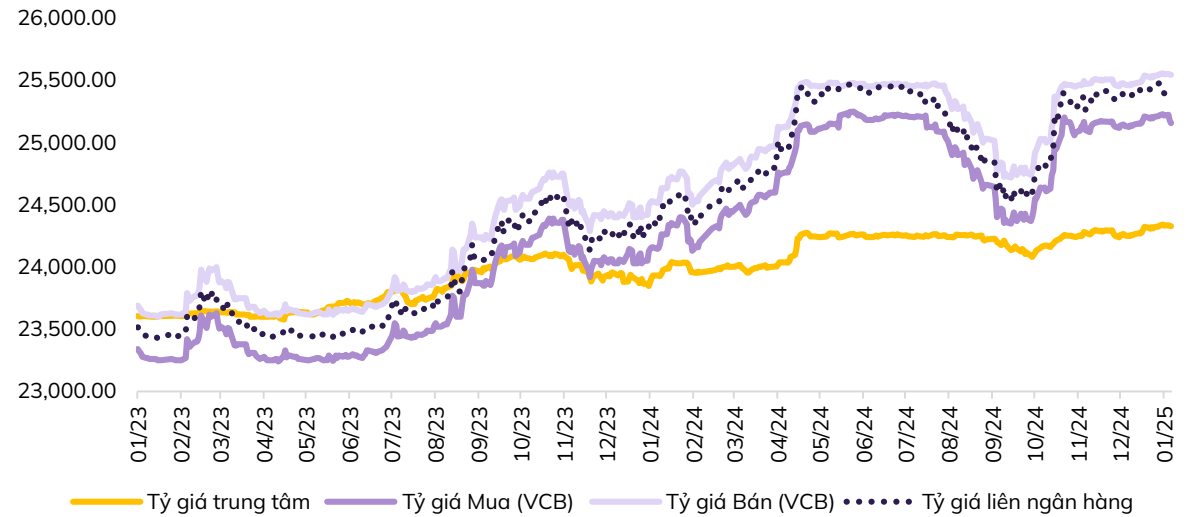
# • Giá vàng ổn định, tỷ giá chịu áp lực

## Giá vàng ổn định hơn vào những tháng cuối năm



Nguồn: FiinPro, ABS Research

## USD/VND mất giá khoảng 5,03% trong năm 2024



Nguồn: Fiinpro, Investing, ABS Research

- Trong năm 2024, giá vàng thế giới tăng mạnh 27,9% svck và liên tục lập đỉnh mọi thời đại. Giá vàng đã có nhiều tháng tăng mạnh được hỗ trợ bởi: (i) Hoạt động tăng cường mua gom của các ngân hàng trung ương, (ii) Các lo ngại về căng thẳng địa chính trị và các nền kinh tế lớn trên thế giới, (iii) Fed hạ lãi suất làm giảm chi phí cơ hội của việc nắm giữ tài sản không sinh lãi như vàng. Tuy nhiên, đà đi lên của vàng bắt đầu chững lại trong tháng 11, xu hướng này tiếp tục được kéo dài sang những tuần cuối cùng của năm 2024. Dự báo trong ngắn hạn, giá vàng tiếp tục chịu sức ép đến từ sức mạnh của USD, lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng, nhu cầu yếu đi từ thị trường châu Á.
- Cùng với xu hướng của giá vàng thế giới, giá vàng trong nước đang khá ổn định. Giá vàng SJC tại ngày 31/12 ở hai chiều bán ra và mua vào lần lượt là 84 triệu đồng/lượng và 82 triệu đồng/lượng, chỉ chênh lệch khoảng 1 triệu đồng so với thời điểm đầu tháng. Chênh lệch giữa giá bán vàng miếng trong nước so với giá thế giới cũng đã giảm về chỉ còn 3-5 triệu đồng/lượng so với thời điểm trước, có lúc lên đến 18 triệu đồng/lượng.
- Tại ngày 31/12/2024, NHNN công bố tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 USD/VND, tăng 95 đồng so với thời điểm đầu tháng 12 và tăng 469 đồng so với đầu năm 2024. Tỷ giá trần lên mức 25.551 USD/VND, cao nhất kể từ đầu năm 2024.
- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên cuối cùng của năm 2024 ở mức 25.480 USD/VND, so với đầu năm tỷ giá mất giá khoảng 5,03%. Tỷ giá bán USD của các ngân hàng liên tiếp được yết ở mức giá trần của NHNN trong tháng 12.
- Trước áp lực của tỷ giá, NHNN sử dụng song song hai công cụ tín phiếu và OMO nhằm vừa hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, vừa giảm sức ép lên tỷ giá thông qua việc thu hẹp chênh lệch lãi suất USD - VND trên thị trường liên ngân hàng. Bên cạnh đó, vào ngày 3/1/2025 và 6/1/2025, NHNN đã triển khai cách tiếp cận khác trong việc can thiệp vào thị trường ngoại hối. Thay vì bán USD giao ngay với tỷ giá 25.450 VND, NHNN đã cung cấp các hợp đồng kỳ hạn (cho phép hủy ngang) tại cùng mức tỷ giá 25.450 VND, cho thấy sự quyết tâm cũng như sự tự tin của NHNN trong việc giữ tỷ giá tại vùng giá 25.450.



## ➤ Một số thông tin nổi bật tháng 12

Ngày	Nội dung	Tác động kỳ vọng
30/11/2024	Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội đã thông qua 18 luật, theo hướng một luật sửa nhiều luật. Một số luật trong đó như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;...	Các luật này về lâu dài được kỳ vọng giúp tăng cường sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; tăng mạnh phân cấp, phân quyền; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh; giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.
30/11/2024	Quốc hội quyết định tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế Giá trị gia tăng với thời gian áp dụng từ ngày 1/1/2025 đến hết ngày 30/6/2025. Đối tượng giảm thuế suất là các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	Ngân sách ước tính giảm thu khoảng 26.100 tỷ đồng khi thực hiện chính sách hỗ trợ tài khóa này. Tuy nhiên, người dân và doanh nghiệp đều cùng được hưởng lợi từ quyết định, kích thích cả sản xuất và tiêu dùng.
05/12/2024	Chính phủ Việt Nam và NVIDIA hợp tác thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển, Trung tâm Dữ liệu AI.	Kỳ vọng thu hút vốn FDI phát triển ngành công nghiệp sản xuất chip tại Việt Nam. Các doanh nghiệp công nghệ và khu công nghiệp công nghệ cao hưởng lợi.
06/12/2024	Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 đã ban hành Kế hoạch 141/KH/BCĐTKNQ18 năm 2024 về Kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.	Giúp giảm bớt tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm ngân sách và tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.
31/12/2024	Chính phủ đã ban hành Nghị định 182/2024/NĐ-CP quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.	Tăng cường và thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI).
03/01/2025	NHNN triển khai thêm biện pháp can thiệp. Cụ thể, NHNN đã cung cấp các hợp đồng kỳ hạn (có hủy ngang) tại mức tỷ giá 25.450 VND, thay vì trước đây bán USD giao ngay với tỷ giá 25.450 VND.	Thể hiện được thông điệp tự tin cũng như quyết tâm của NHNN trong việc giữ tỷ giá ổn định ở vùng 25.450.



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

TRẦM LẶNG VỀ CUỐI NĂM



Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS invest



Tham gia room tư vấn miễn phí trên Zalo của ABS



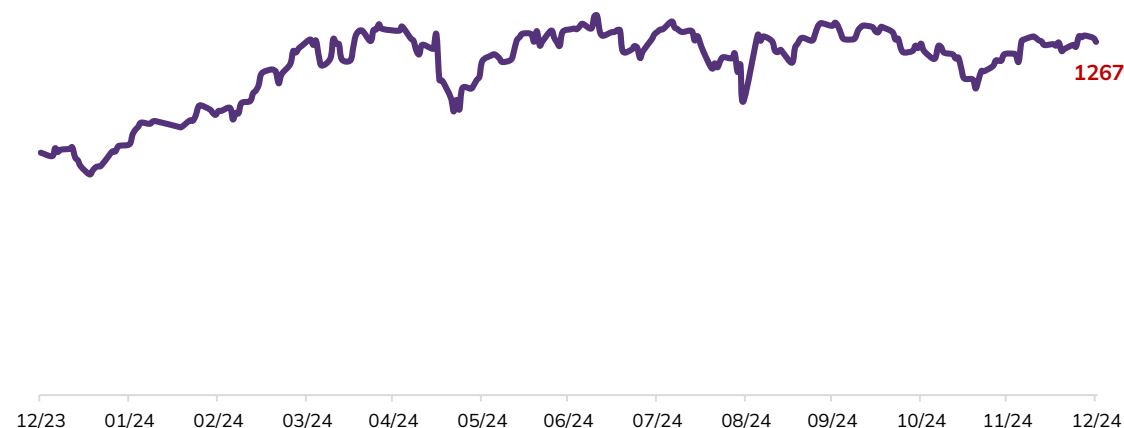
## ► Tổng quan TTCK tháng 12/2024

- Trong tháng 12, TTCK có diễn biến kém tích cực do ảnh hưởng bởi các diễn biến bất lợi trên thị trường tiền tệ - ngoại hối. Điểm số VN-Index sụt giảm mạnh xuống 1.240 ngay đầu tháng, sau đó nhanh chóng phục hồi nhờ sự dẫn dắt của các cổ phiếu lớn. Tuy nhiên, trong các tuần sau đó, VN-Index liên tiếp điều chỉnh, giằng co quanh mốc 1.270 với thanh khoản yếu, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Thị trường kết thúc tháng cuối cùng trong năm tại điểm số 1.266,78 điểm, tăng 13,1% so với đầu năm.
- Trong tháng 12, TTCK Mỹ giảm mạnh sau khi Fed quyết định chỉ giảm 25 điểm cơ bản và đưa ra quan điểm thận trọng về nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, tính từ đầu năm, các chỉ số đều đã tăng trưởng tích cực với Dow Jones, S&P 500 và Nasdaq tăng lần lượt 9,1%; 15,4% và 20%. Trong khi đó, các thị trường châu Á tiêu biểu là Trung Quốc và Nhật Bản vẫn duy trì đà tăng tích cực. Hiện tại các thị trường tập trung theo dõi động thái mới của tổng thống Donald Trump khi chính thức nhậm chức vào ngày 20/1/2025.

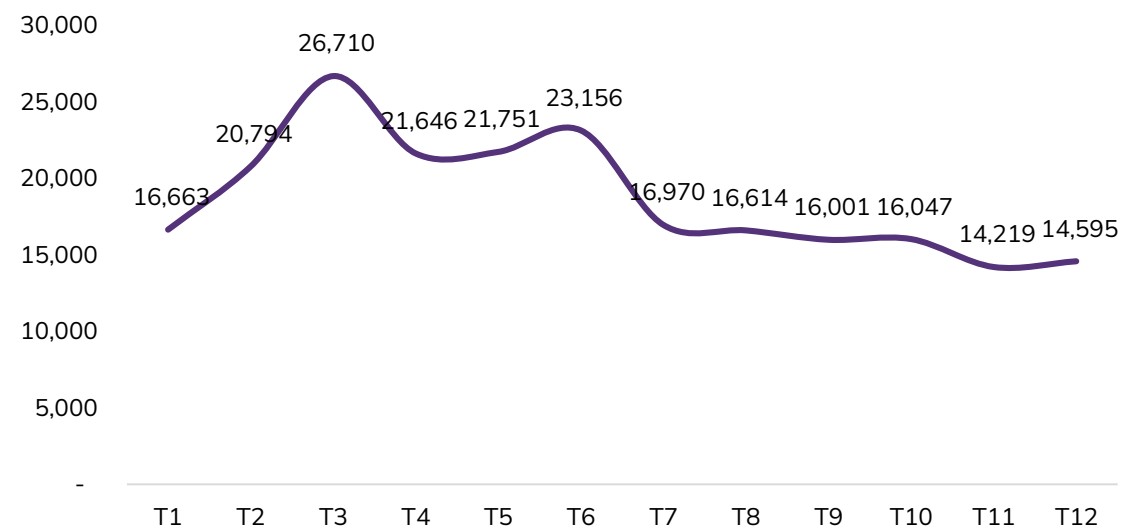
Biến động chỉ số một số TTCK trên thế giới

	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi 6M	% thay đổi 12M
VNINDEX	1,3%	-1,6%	1,5%	13,1%
Dow Jones	-5,3%	0,5%	8,8%	9,1%
Nasdaq	0,5%	6,2%	9,0%	20,0%
S&P 500	-2,5%	2,1%	7,7%	15,4%
Shanghai	0,8%	0,5%	13,1%	11,2%
DAX	1,4%	3,0%	9,2%	12,6%
Nikkei 225	4,4%	5,2%	0,5%	1,9%
SET	-1,9%	-3,4%	7,6%	2,2%
FTSE 100	-1,4%	-0,8%	0,1%	7,1%

Diễn biến điểm số VNIndex trong 01 năm trở lại



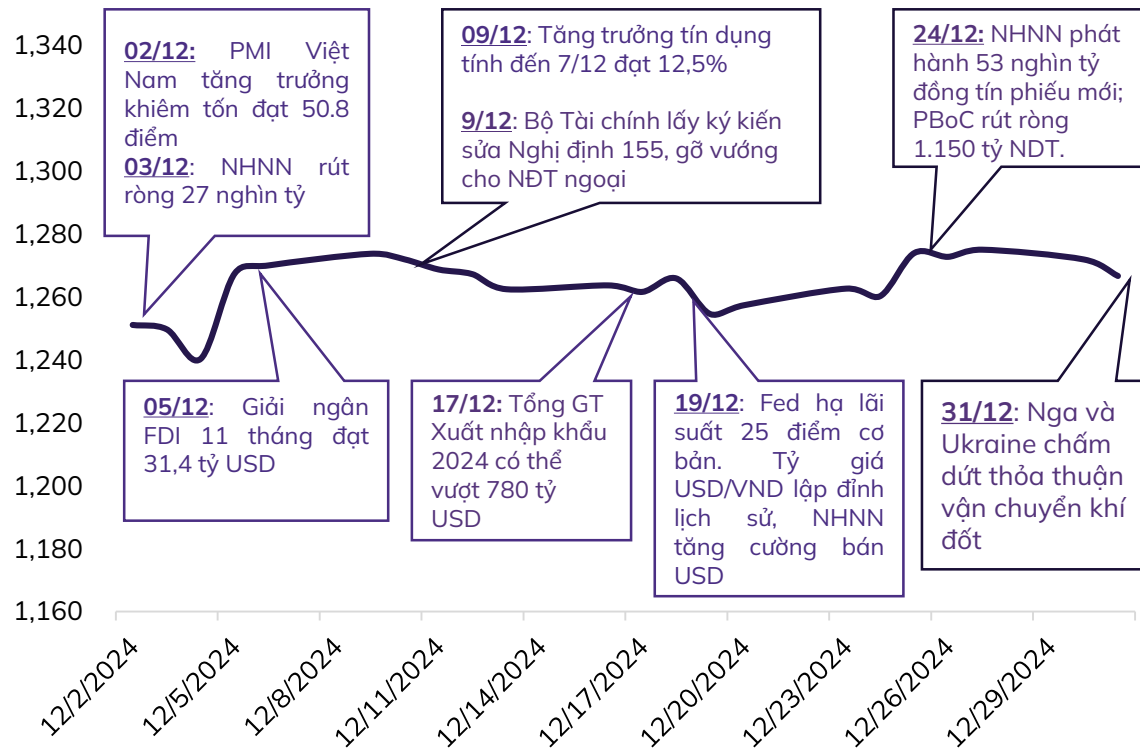
Trung bình GTGD/phiên của VN-Index trong 01 năm (tỷ VNĐ)



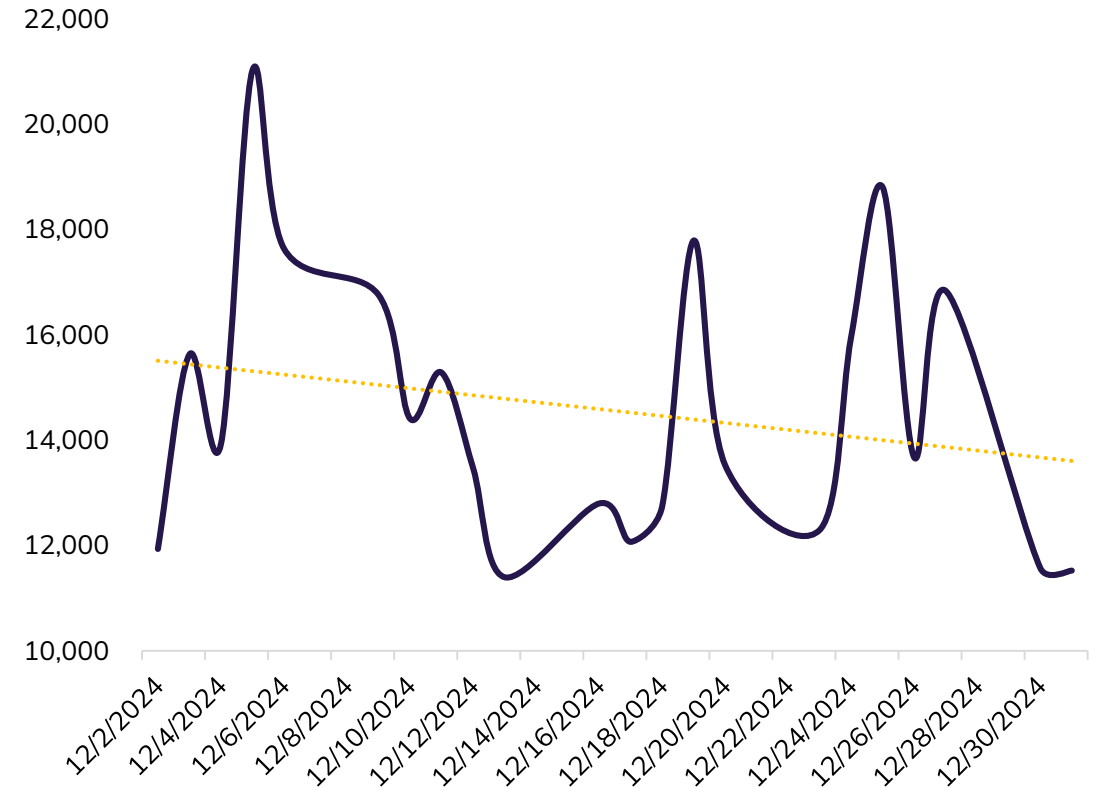
## ► Điểm lại một số phiên của VNIndex trong tháng 12

Thị trường chịu áp lực trước động thái của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), thanh khoản thấp. Ngay đầu tháng 12, VN-Index đã lao dốc mạnh xuống mức 1.24x do động thái rút ròng 27 nghìn tỷ đồng từ NHNN. Sau đó, chỉ số hồi phục lên mức 1.27x tại ngày 09/12 nhờ các thông tin tương đối tích cực. Tuy nhiên, dòng tiền lan tỏa không đồng đều giữa cổ phiếu nhóm bluechips cùng thanh khoản yếu, chỉ đạt trung bình 14.595 tỷ đồng/phiên, khiến khả năng duy trì đà tăng trưởng bền vững của VN-Index trở nên khó khăn. Trong các tuần tiếp theo, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bán USD và tín phiếu làm giảm thanh khoản hệ thống, tăng lãi suất ngắn hạn, từ đó gây áp lực giảm lên thị trường chứng khoán. VN-Index có nỗ lực tìm lại mốc 1.27x vào cuối tháng, tuy nhiên gặp phải áp lực bán mạnh từ khối ngoại, do đó điểm số đóng cửa tại ngày 31/12/2024 chỉ đạt 1.266,78 điểm, tăng nhẹ 1,31% so với tháng trước. Tính chung cả năm 2024, VN-Index đã tăng 146 điểm, tăng 13,1% so với đầu năm.

**Biến động VNI trong tháng 12/2024**

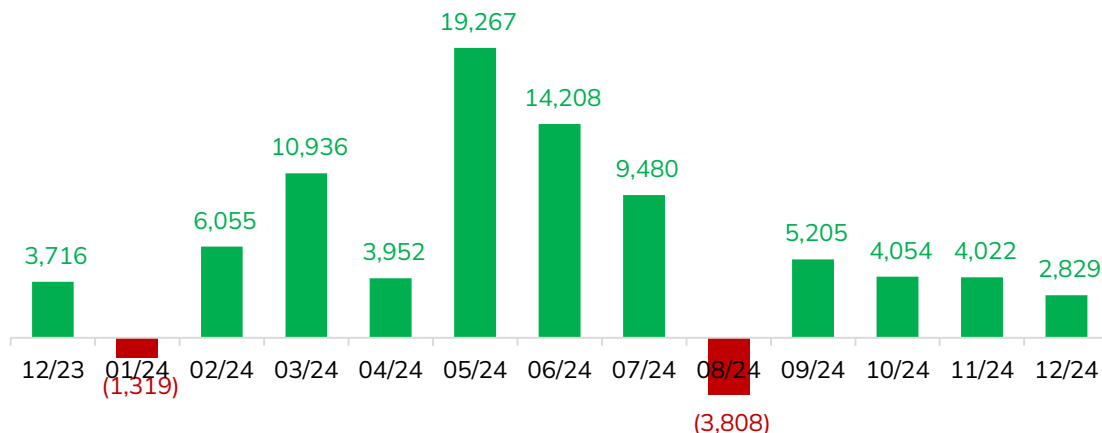


**Biến động thanh khoản VNI trong tháng 12**



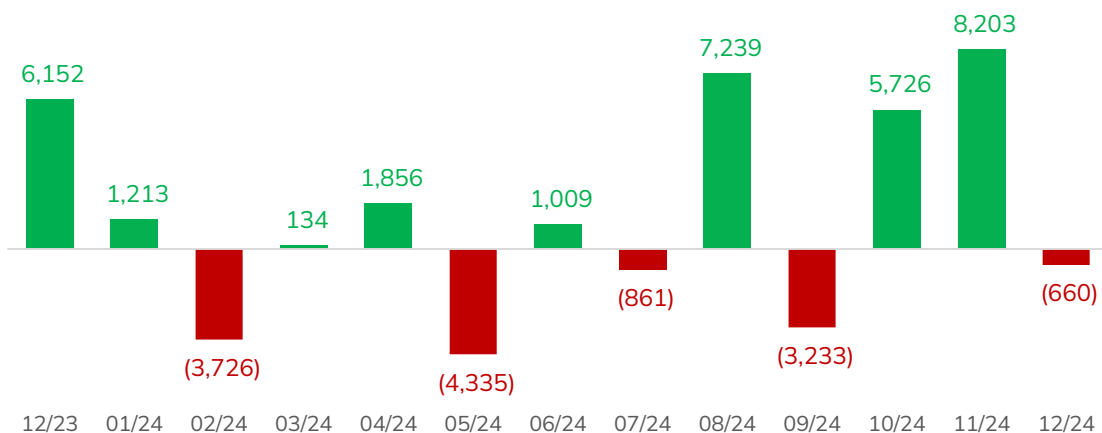
## Hành động của NĐT trong tháng 12

### Mua ròng từ NĐT cá nhân trong nước tiếp tục suy giảm



Ghi chú: dữ liệu được tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại sàn HOSE

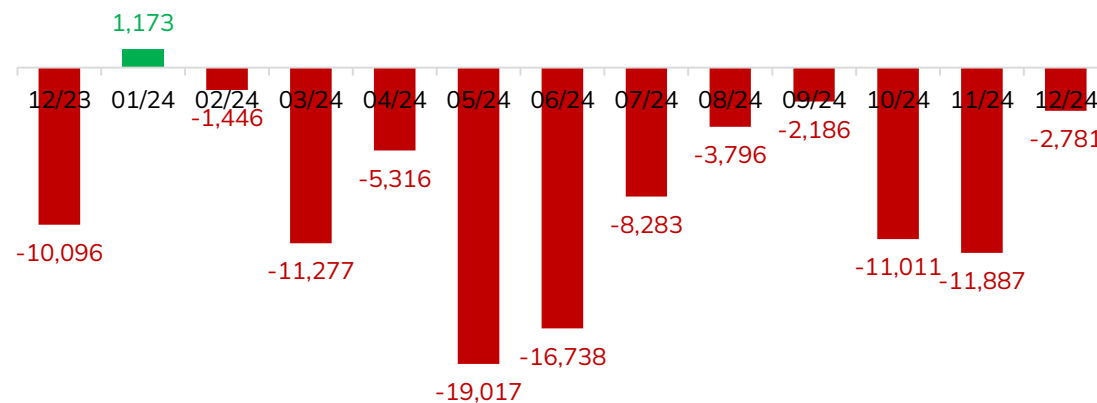
### NĐT tổ chức trong nước bán ròng



Ghi chú: dữ liệu được tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại sàn HOSE

- **NĐT cá nhân mua ròng suy giảm.** Lực mua ròng từ NĐT cá nhân (tính riêng sàn HOSE) đạt 2.829 tỷ đồng (-29,6% so với tháng trước). Top mua ròng từ NĐT cá nhân là FPT (1.094 tỷ), VCB (801 tỷ), VJC (1.051 tỷ) trong đó top bán ròng là KDH (435 tỷ), HDB (433 tỷ).
- **Khối ngoại giảm bán ròng đáng kể.** Khối ngoại cho tín hiệu tương đối tích cực khi có tổng trị bán ròng tại 3 sàn giảm mạnh còn 2.781 tỷ đồng so với gần 12 nghìn tỷ đồng tháng trước. Top bán ròng của nước ngoài gồm các mã: FPT (-1.013 tỷ), VCB (-891 tỷ), VRE (-500 tỷ).
- **Nhóm NĐT tổ chức trong nước bán ròng.** Tổng giá trị bán ròng tại sàn HOSE là 660 tỷ đồng, trong đó top cổ phiếu bị bán là VJC (-957 tỷ), EIB (-659 tỷ) và VPB (-303 tỷ)
- **Giá trị tham gia của nhóm tự doanh khá ít ỏi so với thị trường trong tháng 12.**

### Khối ngoại giảm bán ròng đáng kể

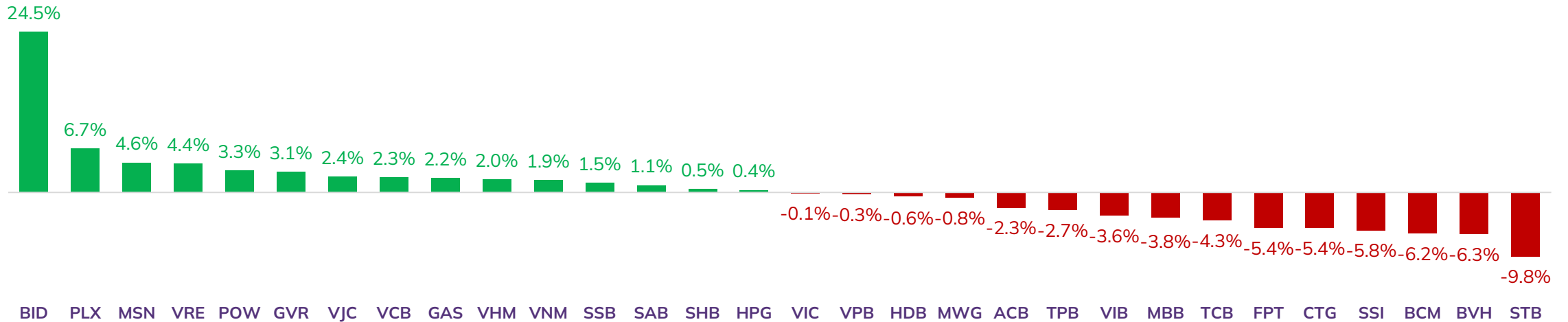


Nguồn: FiinproX, ABS Research

Ghi chú: dữ liệu được tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm giá trị khớp lệnh + thỏa thuận tại 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM

# Chuyển động cổ phiếu trong tháng 12

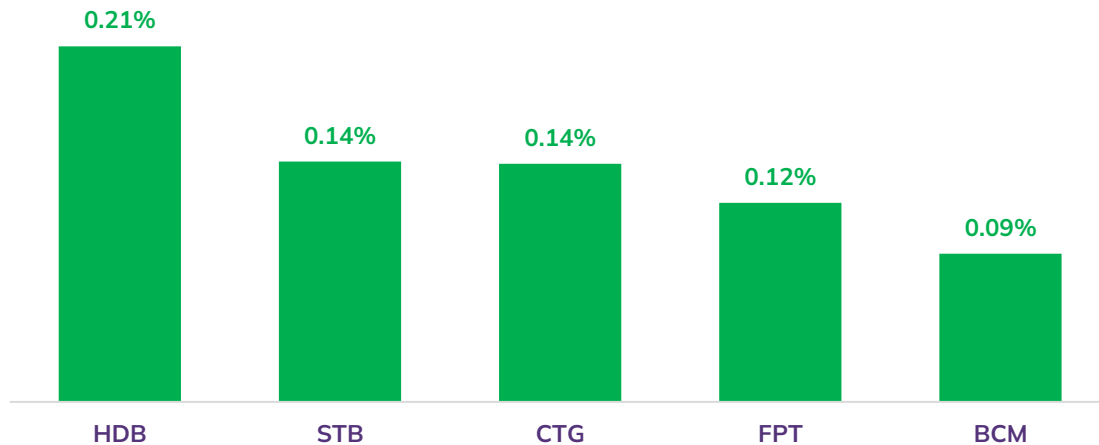
Biến động giá cổ phiếu trong nhóm VN30 trong 1 tháng



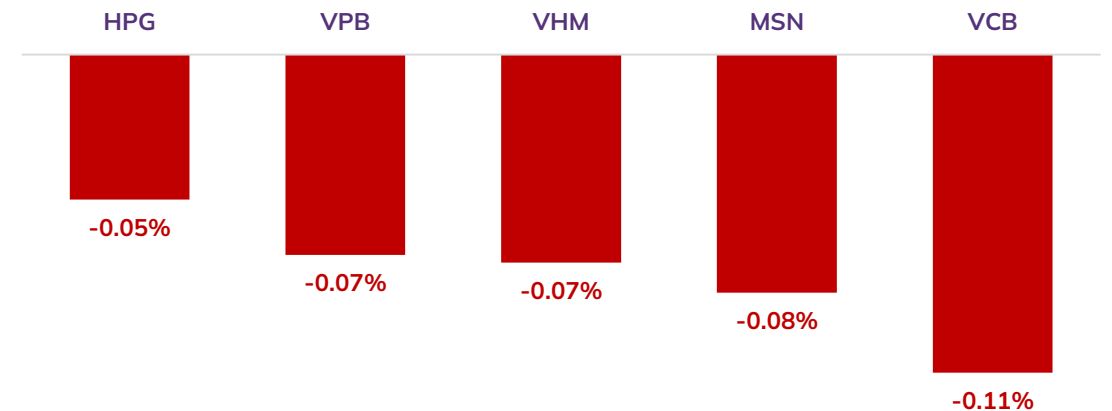
Nguồn: FiinproX, ABS Research

Ghi chú: dữ liệu được tính đến ngày 31/12/2024

Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tích cực đến VNI



Top 5 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VNI

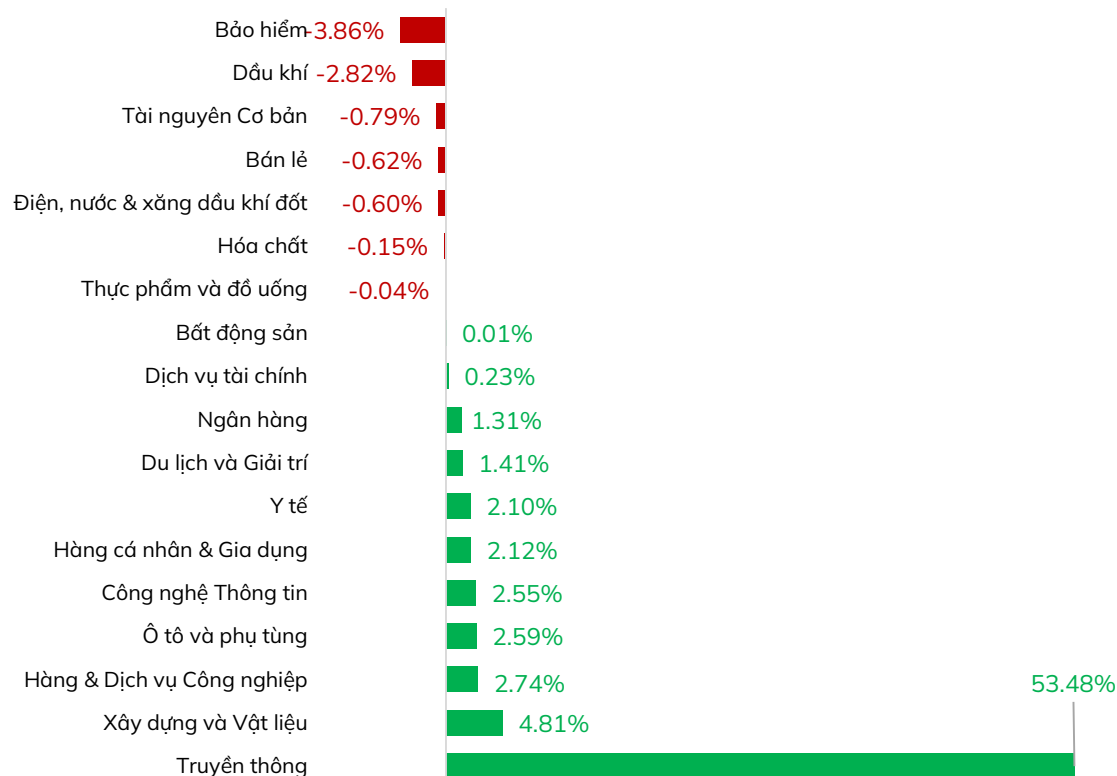




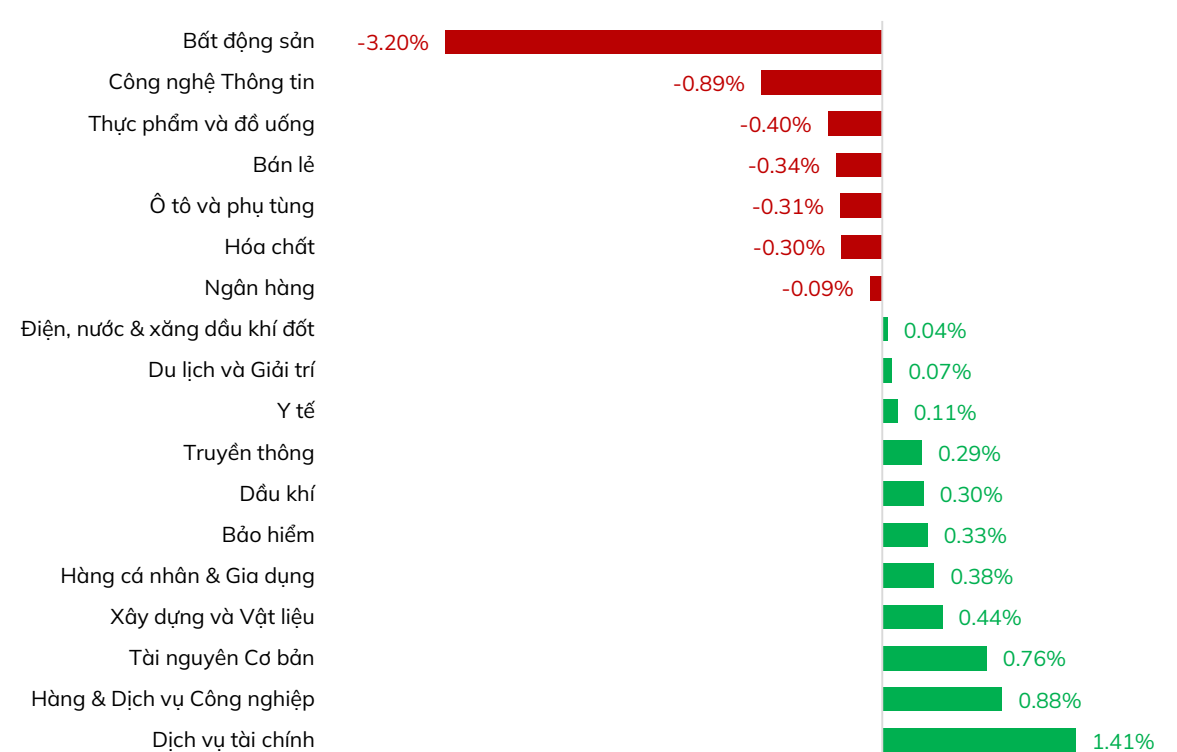
## Chuyển động nhóm ngành và câu chuyện đầu tư

- Hầu hết các nhóm ngành vốn hóa lớn có sự phục hồi nhẹ về giá so với tháng trước. Nhóm Truyền thông có sự tăng giá ấn tượng 53,48% chủ yếu nhờ mã YEG sau thành công của show truyền hình “Anh trai vượt ngàn chông gai”. Trong khi đó, top hai nhóm ngành ghi nhận giảm giá so với tháng trước là Bảo hiểm (-3,86%) và Dầu khí (-2,82%).
- Tỷ trọng dòng tiền các nhóm ngành có sự phân hóa. Một số nhóm ngành có mức tăng trưởng nhẹ so với tháng trước.** Cụ thể, dòng tiền đã cải thiện ở nhóm Dịch vụ tài chính (+1,41%), Hàng và Dịch vụ công nghiệp (+0,88%) và Tài nguyên cơ bản (+0,76%). Ở chiều ngược lại, dòng tiền bị rút ra khỏi các ngành vốn hóa lớn như Bất động sản (-3,2%), Công nghệ thông tin (-0,89%) và Ngân hàng (-0,09%).

Chuyển động giá các nhóm ngành trong tháng 12/2024



Tỷ trọng dòng tiền các nhóm ngành trong tháng 12/2024



# NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung  
tâm Tư vấn Đầu tư ABS



## Về yếu tố Phân tích kỹ thuật:

Trong Báo cáo chiến lược năm 2025 chúng tôi dự phóng TTCK dần tích cực trở lại và tăng trở lại pha đầu tiên. Trong đó, ngưỡng xác nhận thị trường đi vào pha tích cực khi VN-Index kết nển tuần/ nển tháng trên mốc 1310+/- điểm và ngưỡng rủi ro khi thị trường phá qua đáy 1198 điểm.

Thời gian qua, thị trường vận động đi ngang trong vùng 1300-1198 điểm. Thị trường tạo đáy ở 1198 điểm, sau đó đã có 1 nhịp sóng khởi động đầu tiên với biên độ lên tiêu chuẩn 100 điểm. Hiện tại, với nhiều cổ phiếu trụ, đầu ngành đã cạn biên độ lên và suy yếu, thị trường đang trong nhịp điều chỉnh để các cổ phiếu trên cao có thêm thời gian tích lũy cho nhịp hồi phục sau đó. Để giữ được xu tăng trước đó thị trường cần giữ được mốc 1198 điểm, tích cực hơn cần giữ được mốc 1237-1240 điểm, tạo tâm lý cho dòng tiền nhập cuộc trở lại.

Xu hướng tháng: Tăng, giá dao động quanh đường trung bình trượt MA10 với cấu trúc đỉnh - đáy cao dần.

Xu hướng tuần: Đi ngang trong vùng 1300-1198 điểm, khối lượng giao dịch có sự suy giảm từ giữa năm 2024 tới nay. Trên biểu đồ tuần cho thấy cần sự cải thiện về thanh khoản giao dịch trong thời gian tới. MACD đang dịch chuyển dần về Zero, chưa cho tín hiệu cắt lên.

Nhịp tăng tiếp theo của thị trường sẽ chuyển từ tăng ngắn hạn trên biểu đồ ngày lên nhịp tăng trung hạn trên biểu đồ tuần khi VN-Index xác nhận dứt thoát khỏi vùng biên trên 1310+/- trên nển tuần/nển tháng, đồng thời MACD tuần xác nhận cắt lên, kèm theo thanh khoản tăng ở mức ~25.000 tỷ đồng/phiên trong tuần gần nhất.

Xu hướng ngày: Đã tăng bước sóng khởi động đầu tiên từ 1198 điểm tới vùng giá 1285 điểm. Trong đó, yếu tố nghi ngờ còn khá lớn, tâm lý giao dịch của nhà đầu tư chưa được cải thiện nhiều. Hiện thị trường đang có nhịp điều chỉnh sau một pha tăng đủ biên độ.

## Các vùng hỗ trợ và kháng cự:

- Kháng cự 1: 1285 - 1310
- Hỗ trợ 1: 1237 – 1240
- Kháng cự 2: 1310 - 1340
- Hỗ trợ 2: 1211 – 1218
- Hỗ trợ 3: 1198 – 1205

## Các yếu tố vĩ mô:

**Thị trường bước vào những ngày đầu năm mới 2025 với nhiều yếu tố tác động trái chiều:**

- Trên thế giới, lạm phát đang nhích lên tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK,... khiến NHTW các nước phải thận trọng hơn với việc nới lỏng tiền tệ. Mặc dù Fed đã quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ ba liên tiếp trong tháng 12/2024, đưa lãi suất xuống phạm vi 4,25 - 4,50%, nhưng cũng phát đi tín hiệu cắt giảm lãi suất sẽ chậm lại trong thời gian tới, với dự kiến sẽ chỉ cắt giảm lãi suất khoảng 2 lần, mỗi lần giảm 0,25 điểm phần trăm, để đưa lãi suất chuẩn về phạm vi 3,75 - 4,00% vào cuối năm 2025.
- Ngay sau khi FED phát ra thông điệp trên, chỉ số USD Index (DXY) và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ liên tục tăng mạnh. Điều này gây sức ép lên thị trường tài chính quốc tế.

## Các yếu tố vĩ mô (tiếp):

- Thế giới đang chờ đợi ngày ông Trump chính thức nhậm chức tổng thống Mỹ ngày 20/1/2025 sắp tới, với dự kiến sẽ có nhiều thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Nhiều nước đã phải chuẩn bị đối mặt với việc Mỹ áp dụng chính sách thương mại thắt chặt với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ, có thể khiến kinh tế toàn cầu thêm khó khăn.
- Sản xuất và việc làm được chứng kiến tiếp tục thu hẹp tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, UK... Lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc chỉ hồi phục trong ngắn hạn chứ chưa thật sự bền vững khi có nguy cơ phải đối mặt các mức thuế quan mới từ nhiệm kỳ thứ hai của ông Donald Trump, trong khi vẫn đang phải ứng phó với các yếu tố bất lợi khác (nhu cầu trong nước còn yếu, giá đầu ra tiếp tục sụt giảm...).
- Bức tranh vĩ mô tại Việt Nam rất tích cực với GDP tăng trưởng mạnh 7,09% svck nhờ sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, ngành du lịch duy trì đà tăng trưởng mạnh, xuất nhập khẩu và giải ngân FDI tiếp tục lập kỷ lục, lạm phát trong tầm kiểm soát...Tăng trưởng tín dụng bứt tốc trong các tháng cuối năm, đạt 15,08% svck.
- Tuy nhiên, điểm trừ là các diễn biến không mong muốn trên thị trường tài chính với việc lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn dài bật tăng trong tháng 12, lãi suất huy động các NHTM tiếp tục xu hướng tăng vốn bắt đầu trong nửa đầu tháng 11. Trong khi đó, tỷ giá tiếp tục đà tăng lên mức cao 25.580 VND/USD do chênh lệch lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và Việt Nam vẫn ở mức đáng kể từ đó làm tăng giá hàng hoá và nguyên vật liệu nhập khẩu từ thị trường nước ngoài.
- Ngoài ra, sau 2 năm thực hiện Nghị định 08/2023/NĐ-CP, áp lực đáo hạn TPDN dự kiến sẽ dồn về nửa sau năm 2025, đặc biệt là quý 3 với lượng TPDN đáo hạn lên tới khoảng 120 nghìn tỷ đồng, trong đó 46% thuộc về các doanh nghiệp bất động sản.
- Về mặt định giá, với sự điều chỉnh của VN-Index trong những ngày đầu năm 2025, P/E của VN-Index giảm từ 13,29x cuối tháng 12/2024 xuống 12,97x tại ngày 9/1/2025, thấp hơn -1 độ lệch chuẩn (Std) của chỉ số này trong 1 năm qua. P/E kỳ vọng cho cả năm 2024 dự kiến ở mức thấp hơn do KQKD cả thị trường được dự báo tiếp tục phục hồi trong quý cuối năm.
- Các cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30 đang có định giá P/E là 11,92x, thấp hơn nhiều so với các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ trong VN MID (17,42x) và VNSML (14,21x).

## Dự báo diễn biến VN-Index trong tháng 1/2025:

- Với các diễn biến nêu trên, chúng tôi cho rằng mặc dù triển vọng kinh tế Việt Nam khá tích cực, trong ngắn hạn, thị trường vẫn phải đối mặt với khó khăn về dòng tiền khi vốn ngoại tiếp tục bán ròng trong bối cảnh đồng USD và lợi suất TPCP Mỹ tăng trở lại. Trước áp lực về tỷ giá và ngành ngân hàng đang cần thanh khoản để đáp ứng nhu cầu vốn tăng cao dịp cuối năm, dự kiến dòng tiền nội vào TTCK sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. Do đó, chúng tôi dự báo 2 kịch bản cho thị trường trong tháng 1 như sau:

## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2025 (tiếp)

**Kịch bản 1:** Thị trường đã có nhịp tăng đầu tiên từ 1198 điểm từ ngày 20/11/2024, làm cơ sở cho các dự phóng nhịp tăng tiếp theo của thị trường. Chúng tôi dự báo VN-Index có thể có nhịp hồi phục diễn ra tại ngưỡng Hỗ trợ 2. Trong kịch bản này, nhà đầu tư xem xét giao dịch ngắn hạn, đồng thời quản trị vốn chặt chẽ.

**Kịch bản 2:** Do thị trường chưa hoàn toàn xác nhận đi lên, các cổ phiếu lớn hầu hết chưa trở lại pha tăng giá, trong khi các cổ phiếu midcap vẫn đang trong quá trình tạo đáy. Do đó, nhà đầu tư vẫn cần quản trị giao dịch và quản trị vốn chặt chẽ, sẵn sàng cho các rủi ro có thể xảy ra. Trường hợp thị trường không hồi phục ở các ngưỡng Hỗ trợ 1 và Hỗ trợ 2 nêu trên thể hiện đà tăng giá suy yếu và rủi ro tăng dần.

**Mức đáy đã tạo ra trước đó ở 1198 điểm là ngưỡng phân định rủi ro cơ sở của thị trường.** Nếu như VN-Index vẫn giữ được mốc 1198 trong tháng 1/2025 cùng khối lượng giao dịch ổn định ở mức thấp, vẫn có cơ hội để giao dịch ngắn hạn.

Trường hợp VN-Index phá qua mốc đáy 1198 điểm sẽ xác nhận kịch bản xấu mà chúng tôi đã đề cập trong Báo cáo chiến lược 2025.

### Khuyến nghị

Với dự báo các kịch bản của thị trường nêu trên, chúng tôi đề xuất nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn từ các ngưỡng Hỗ trợ 2 đến các ngưỡng kháng cự của thị trường.

Nhà đầu tư nên lựa chọn các cổ phiếu có xu hướng tăng giá đồng pha 3 cấp độ, trên các khung thời gian ngày, tuần, tháng để có sự an toàn và hiệu quả cao trong đầu tư và giao dịch.

Các ngành đáng chú ý cho nhịp tăng tiếp theo bao gồm: Ngân hàng, Chứng khoán, Đầu tư công, BĐS khu công nghiệp, Cảng, Công nghệ, Dược ...

Danh mục cổ phiếu khuyến nghị của ABS trong tháng 1/2025 được trình bày ở phần sau của báo cáo này.



# TRIỆU VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 1/2025 (tiếp)





# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ACV	123,3	115-116	130-132	140	N/A	112	13,4%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Tổng doanh thu năm 2024 của ACV ước tính đạt 21.466 tỷ đồng (+8% svck). Lợi nhuận trước thuế ước đạt 11.981 tỷ đồng (+35% svck). Lãi kỳ lục đạt được nhờ tăng trưởng mạnh mẽ lượng khách quốc tế tới Việt Nam. Cụ thể, tổng lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trực thuộc ACV đạt 109 triệu lượt khách, trong đó, khách quốc tế là 41 triệu lượt (+26% svck); khách quốc nội là 68 triệu lượt (-15% svck). Ngoài ra, khối lượng hàng hóa bưu kiện đạt 1.505 triệu tấn (+19% svck) và vượt 10% kế hoạch.</li> <li>➤ Động lực tăng trưởng trong năm 2025 đến từ việc khách quốc tế gia tăng. Trong năm 2025, ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu đón 22-23 triệu lượt khách quốc tế cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch và giao thương quốc tế; hỗ trợ tăng trưởng kết quả kinh doanh của ACV. Công ty đặt mục tiêu đón 119 triệu khách (+7,4% so với năm 2024); doanh thu đạt 21.782 tỷ đồng (+1% so với năm 2024), lợi nhuận trước thuế đạt 10.713 tỷ đồng</li> <li>➤ Ngoài ra, ACV hưởng lợi từ việc mở rộng cơ sở hạ tầng hàng không với các dự án lớn như Long Thành (giai đoạn 1) và Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, giúp tăng năng lực khai thác và nâng cao chất lượng dịch vụ.</li> </ul>
GMD	63,5	57-58	70		N/A	55	21,7%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Doanh thu thuần lũy kế 9T/2024 của GMD tăng trưởng mạnh svck đạt 3.420 tỷ đồng (+22% svck) nhờ đà phục hồi thương mại. Sản lượng thông quan tại Cảng Nam Đình Vũ là 680.000 TEUs, tăng 66,5% svck trong khi sản lượng thông quan tại Gemalink đạt 998.000 TEUs, tăng 102% svck. LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 1.225 tỷ đồng (-42% svck), chủ yếu do không còn khoản lãi bất thường 1.840 tỷ đồng chuyển nhượng vốn đầu tư cảng Nam Hải Đình Vũ.</li> <li>➤ Trong năm 2025, sản lượng thông cảng kỳ vọng tăng trưởng tốt nhờ các yếu tố (1) tăng trưởng xuất nhập khẩu chung cả nước; (2) cảng nước sâu Gemalink hưởng lợi từ việc là cảng nước sâu với vị trí thuận lợi tại khu vực Cái Mép – Thị Vải; hợp tác cùng hãng tàu quốc tế giúp thu hút khách hàng và xu hướng gia tăng kích cỡ tàu container và (3) việc nâng cấp, nạo vét luồng kênh Hà Nam sẽ giúp Nam Đình Vũ đón được thêm tàu cỡ 48.000 DWT từ đó gia tăng sản lượng. Lợi nhuận từ công ty liên kết, chủ yếu là Gemalink và SCS kỳ vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2025, đóng góp thêm vào kết quả lợi nhuận.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
<b>DVP</b>	83,1	78	84	98	N/A	76	7,7%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Kết quả kinh doanh lũy kế 9T/2024 của DVP tăng trưởng tích cực, với doanh thu thuần đạt 520 tỷ đồng (+28% svck), lợi nhuận gộp đạt 251 tỷ đồng (+34% svck). Kết quả đạt được nhờ sản lượng hàng hóa thông cảng tăng 13% so với cùng kỳ. Ngoài ra, công ty nhận được cổ tức từ Công ty TNHH Tiếp Vận SITC Đình Vũ 70,39 tỷ đồng. LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 274 tỷ đồng, tăng nhẹ so với số 273 tỷ đồng cùng kỳ do Công ty nhận khoản bồi thường ngoài hợp đồng trị giá 129 tỷ đồng trong năm 2023.</li> <li>➤ Kết quả kinh doanh năm 2025 của DVP kỳ vọng tích cực, giữ vững vị trí top 5 cảng có sản lượng hàng hóa thông quan lớn nhất tại khu vực Hải Phòng nhờ vị trí địa lý thuận lợi tại cửa ngõ ra biển các tỉnh phía Bắc, hạ nguồn sông Cấm.</li> <li>➤ Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, không sử dụng vốn vay và trả cổ tức bằng tiền mặt thường xuyên với tỷ lệ cao nhất là 50%.</li> </ul>
<b>PHP</b>	42,6	37-39	43-44	49	N/A	35	14,5%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Lũy kế 9T/2024, doanh thu thuần của PHP tăng trưởng tốt đạt 1.885,4 tỷ đồng (+19% svck), lợi nhuận gộp đạt 734 tỷ đồng (+20% svck), LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 650 tỷ đồng (+41% svck). Sự sôi động trở lại của hoạt động xuất nhập khẩu hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh của PHP, với sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển Hải Phòng đạt 78,2 triệu tấn, tăng 10% so với cùng kỳ 2023.</li> <li>➤ Triển vọng năm 2025 đến từ gia tăng sản lượng thông cảng. Dự án đầu tư mới Bến 3&amp;4 tại Cảng Quốc tế Lạch Huyện, dự kiến vận hành trong Q1/2025 sẽ nâng tổng công suất khai thác của PHP sẽ tăng từ 2,1 triệu TEU/năm lên 3,2 triệu TEU/năm, giúp PHP trở lại nắm giữ thị phần lớn nhất tại khu vực Hải Phòng. Công ty đã thành lập liên doanh khai thác Cảng với Công ty Terminal Investment Limited (TIL) của hãng vận tải quốc tế MSC để khai thác bến cảng này, kỳ vọng giúp gia tăng sản lượng đáng kể cho PHP khi cơ sở hạ tầng hoàn thiện.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
BID	39,95	36-37	39-41		N/A	35	9,6%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Kết quả kinh doanh 9T/2024 khởi sắc với TOI đạt 21.2 nghìn tỷ đồng (+9,3% YoY) và LNTT đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (+18,3% YoY).</li> <li>➤ Tăng trưởng tín dụng 9T/2024 đạt 9,8% YTD, cao hơn so với mức tăng trưởng toàn ngành đạt 9%. Tính theo quý, mức tăng tín dụng trong Q3 của BID tăng thêm 3,7% so với quý trước, với tổng dư nợ đạt khoảng 1,9 triệu tỷ. Trong đó, cho vay SME và bán lẻ tăng lần lượt là 16,3% và 16,8%, Với kỳ vọng nền kinh tế khởi sắc hơn trong 2025, chúng tôi dự phóng tăng trưởng tín dụng của BID đạt khoảng 15%.</li> <li>➤ Chúng tôi kỳ vọng NIM của BID đã chạm đáy và dần hồi phục. Trong Q3/2024, NIM giảm 37 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước và 25 điểm phần trăm so với quý trước do BID có nhiều chính sách, gói ưu đãi cho vay, BID thuộc nhóm ngân hàng có lãi suất cho vay thấp nhất trên thị trường. Ngoài ra, nguồn tiền gửi lãi suất thấp từ Kho bạc Nhà nước giảm, huy động từ thị trường 1 và liên ngân hàng tăng lên đã khiến chi phí vốn tăng nhẹ.</li> <li>➤ Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cũng tiếp tục giảm xuống 115,7% (đây là mức bao phủ nợ xấu thấp nhất trong 3 năm vừa qua), cho thấy chất lượng tài sản của ngân hàng tiếp tục suy yếu. Hiện tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID vẫn thuộc top đầu ngành tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu tương đối cao so với trung bình ngành và cao nhất trong nhóm 3 ngân hàng quốc doanh niêm yết.</li> <li>➤ Kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 21% của BID hiện đang chờ phê duyệt và dự kiến sẽ hoàn tất vào đầu năm 2025. Bên cạnh đó, thương vụ phát hành riêng lẻ với tỷ lệ 2,89% cũng được kỳ vọng sẽ hoàn thành trong quý I/2025. Nguồn vốn tăng thêm giúp ngân hàng cải thiện tỷ lệ an toàn vốn (CAR), tăng dư nợ tín dụng, đầu tư công nghệ, mở rộng mạng lưới chi nhánh và phát triển sản phẩm tài chính mới.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
VCB	91,9	90	95		N/A	88	5,6%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Tính chung 9 tháng năm 2024, thu nhập hoạt động của VCB ghi nhận 50.868 tỷ đồng (-1,7% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần tăng trưởng nhẹ đạt 41.563 tỷ đồng(+1,8% YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 9.305 tỷ đồng (-15% YoY).</li> <li>➤ NIM của VCB tiếp tục gặp áp lực suy giảm trong quý 3/2024 và hiện đang ở mức 2,87%, giảm 19 điểm phần trăm so với quý trước do chịu áp lực các khoản vay ưu đãi từ các doanh nghiệp và cá nhân. Trong khi đó, chi phí vốn tăng lên trong bối cảnh lãi suất huy động đã tạo đáy và đi lên từ cuối tháng 03/2024. Chúng tôi đánh giá NIM của VCB sẽ bớt áp lực hơn trong nửa sau năm 2025 khi nền kinh tế hồi phục giúp giảm các chương trình cho vay ưu đãi.</li> <li>➤ Tăng trưởng tín dụng 9T/2024 đạt 10,3% YTD, cao hơn so với mức tăng trưởng toàn ngành đạt 9%, với tổng dư nợ đạt khoảng 1,4 triệu tỷ. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng của VCB trong năm 2025 đạt khoảng 15% trong bối cảnh nền kinh tế đang hồi phục.</li> <li>➤ Tỷ lệ nợ xấu (NPL) tăng nhẹ 2 điểm phần trăm lên mức 1,22% tại cuối quý 3/2024 và tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm nhẹ 0,01% QoQ xuống 0,35%. NPL hình thành mới giảm mạnh xuống 686 tỷ đồng (-85% y/y). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu sụt giảm nhẹ xuống 204,6%. Với chính sách cho vay thận trọng cùng với tốc độ hình thành nợ xấu đang giảm, chúng tôi cho rằng VCB ít có áp lực trích lập dự phòng trong năm 2025,</li> <li>➤ Ngày 17/10/2024, NHNN công bố quyết định chuyển giao bắt buộc NHTM TNHH 1 thành viên Xây dựng Việt Nam (CBBank) cho VCB. CBBank là pháp nhân độc lập và không hợp nhất vào báo cáo tài chính của VCB. Việc nhận chuyển giao các ngân hàng yếu kém mang lại nhiều lợi ích cho VCB như có nhiều lựa chọn như bán cổ phần, sáp nhập. Ngoài ra, còn được các ưu đãi như được Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến 0% trong thời gian thực hiện chuyển giao bắt buộc, không phải thực hiện các tỷ lệ an toàn hoạt động, không bị giới hạn tăng trưởng tín dụng hàng năm,...</li> <li>➤ Vietcombank sau một thời gian tạm hoãn kế hoạch phát hành riêng lẻ, có thể sẽ hoàn thành trong nửa đầu năm 2025 nếu thị trường diễn biến thuận lợi. Nguồn vốn tăng thêm giúp VCB nâng cao năng lực tài chính, từ đó mở rộng quy mô, năng lực cạnh tranh và đáp ứng kế hoạch phát triển mạng lưới giao dịch.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (T2)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ACB	24,95	23-24	26	28-29	N/A	22	10,6%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Kết quả kinh doanh 9T/2024 tăng trưởng nhẹ với TOI đạt 24.9 nghìn tỷ đồng (+2,4% YoY) và LNTT đạt 15.3 nghìn tỷ đồng (+2.1% YoY). Động lực chính đến từ tăng trưởng mạnh thu nhập lãi thuần, đạt gần 21 nghìn tỷ đồng (+11% YoY). Tuy nhiên, thu nhập ngoài lãi giảm 26% do lãi từ hoạt động kinh doanh trái phiếu sụt giảm mạnh 87% YoY.</li> <li>➤ Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng ACB sang năm 2025 đạt khoảng 17 – 19%, cao hơn mức trung bình toàn ngành. Gần đây, ACB được NHNN nâng hạn mức tín dụng lên khoảng 20%. Với chiến lược cho vay một cách thận trọng nhưng tín dụng vẫn tăng trưởng ấn tượng, riêng trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng tín dụng của ACB đạt 13.8% YTD, cao hơn mức tín dụng toàn ngành là 9%, động lực chủ yếu tới từ nhóm KHDN.</li> <li>➤ Chất lượng tài sản được duy trì ở mức ổn định với tỷ lệ nợ xấu là 1.49%, tăng nhẹ 1bps so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu có khả năng đã tạo đỉnh trong quý 3 khi nợ mới hình thành đã sụt giảm mạnh từ 0,14% trong Q2 xuống 0,03% trong Q3. Nhờ đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu có sự cải thiện khi tăng từ mức 77,8% lên 80,5%.</li> <li>➤ Dự báo NIM giảm nhẹ trong Q4/2024 khi chịu áp lực chung của toàn ngành ngân hàng và bắt đầu đà phục hồi trong nửa sau 2025. Chi phí vốn duy trì mức thấp nhờ tỷ lệ CASA cải thiện và lãi suất cho vay phục hồi khi các chương trình hỗ trợ khách hàng ít hơn trong năm 2025 với triển vọng nền kinh tế hồi phục.</li> <li>➤ ACB đã tăng vốn điều lệ 5.8 nghìn tỷ bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Việc tăng vốn này là cần thiết giúp nâng cao năng lực tài chính để thích ứng với những biến động của thị trường..</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua để xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
KSV	119	88-95	134	162-170	N/A	80	46,4%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Vimico (KSV) là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin). Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, kim loại màu; khoáng sản quý hiếm; kim loại đen,... Vimico được biết đến là đơn vị dẫn đầu cả nước về khai thác và chế biến đồng, với quyền khai thác tại mỏ đồng lớn nhất Việt Nam - mỏ Sin Quyền. Các mỏ khoáng sản của KSV có trữ lượng tài nguyên lớn với thời gian khai thác các mỏ còn dài, như các mỏ đồng vẫn còn thời hạn 8-18 năm, mỏ kẽm còn hơn 8 năm, các mỏ thiếc, sắt, vàng, đất hiếm có những mỏ có thời hạn 24-25 năm.</li> <li>➤ KSV hiện cũng đang sở hữu mỏ đất hiếm Đông Pao có trữ lượng lớn nhất cả nước. Đông Pao có diện tích gần 133 ha, thuộc địa bàn xã Bản Hon, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, với tổng trữ lượng địa chất quy khô trên 11,3 triệu tấn, chiếm hơn một nửa trữ lượng đất hiếm của cả nước. Tuy nhiên, kể từ khi mỏ Đông Pao được cấp phép khai thác đến nay, Công ty con của KSV vẫn chưa có các hoạt động khai thác đáng kể, chỉ dừng lại ở việc quản lý và bảo vệ mỏ.</li> <li>➤ KQKD 9T/2024 ấn tượng với DTT đạt 9.615 tỷ đồng (+8% svck), LNST đạt 788 tỷ đồng, gấp 6 lần svck, chủ yếu do giá bán bình quân các sản phẩm chính tăng cao.</li> <li>➤ Triển vọng năm 2025 của KSV dự báo tiếp tục khả quan do sản phẩm của KSV chủ yếu tiêu thụ tại thị trường trong nước, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam dự báo tăng trưởng trên 8% trong năm 2025. Bên cạnh đó, giá các sản phẩm chính của KSV chịu tác động khá mạnh từ sự biến động của giá kim loại thế giới (LME) trong khi triển vọng giá kim loại thế giới, đặc biệt là đồng được dự báo tiếp tục tăng do: 1) Chính sách về môi trường và thuế quan của Trump hỗ trợ giá đồng; 2) Biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc dự báo hỗ trợ giá kim loại thế giới; 3) Quá trình chuyển đổi năng lượng xanh toàn cầu tiếp tục làm tăng nhu cầu chiến lược về đồng.</li> </ul>



# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
PLC	24	21-22	25-26		N/A	20	18,6%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ KQKD 9T/2024 sụt giảm mạnh svck, cụ thể DTT đạt 4.808 tỷ đồng (-16,7% svck), LNST đạt 23 tỷ đồng (-71,8% svck). Ngoại trừ mảng dầu mỡ nhờn vẫn tăng trưởng cả về doanh thu, lợi nhuận và biên lợi nhuận cải thiện svck, các mảng nhựa đường và hóa chất đều sụt giảm mạnh svck. Nguyên nhân chủ yếu do: 1) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công bị chậm; 2) Cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm nhập khẩu.</li> <li>➤ Mảng nhựa đường kỳ vọng sẽ phục hồi trong năm 2025 nhờ việc thúc đẩy đầu tư công. Với vị thế đầu ngành, chiếm 30% thị phần nhựa đường cả nước, PLC dự kiến hưởng lợi từ việc Chính phủ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công trong giai đoạn tới.</li> <li>➤ Biên lợi nhuận mảng dầu mỡ nhờn và hóa chất dự kiến cải thiện khi triển vọng giá dầu suy yếu. Giá nguyên liệu đầu vào 2 mảng này liên hệ mật thiết với sự biến động của giá dầu. Trong năm 2025, giá dầu dự báo tiếp tục duy trì thấp do triển vọng nhu cầu tiêu thụ dầu yếu trong khi nguồn cung năm 2025 theo dự báo của IEA là sẽ dư thừa.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
CTR	127,1	123-127	145-149	160	N/A	120	17,6%	<p>KQKD 11T2024 với doanh thu và LNTT lần lượt đạt 11.685 tỷ đồng (+12% svck) và 608,7 tỷ đồng (+2% svck). Trong đó mảng vận hành khai thác chiếm 49% tổng DT, đạt 5.596 tỷ đồng (+10% svck), mảng hạ tầng cho thuê tăng trưởng ấn tượng +45% svck, đạt 568 tỷ đồng.</p> <p>Chúng tôi nhận định triển vọng tăng trưởng của CTR kỳ vọng đến từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Việc triển khai 5G - yếu tố hỗ trợ cho đà tăng trưởng cho mảng cho thuê hạ tầng. CTR có lợi thế là nhà mạng đầu tiên cung cấp mạng 5G, giữ vững thị phần số 1 về quản lý và vận hành cho thuê hạ tầng viễn thông (TowerCo). Tính đến hết T11/2024, CTR đang sở hữu 9.510 trạm BTS. Công ty đặt mục tiêu từ nay đến năm 2030, số trạm BTS có thể sở hữu là 30.000 - 50.000 trạm.</li> <li>➤ Nghị định về điện mặt trời áp mái tự sản tự tiêu. Ngày 22/10/2024, chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2024/NĐ-CP về quy định cơ chế và chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái tự sản tự tiêu. Điều này hỗ trợ cho mảng giải pháp tích hợp năng lượng mặt trời (NLMT) của CTR do hiện doanh nghiệp đang cung cấp và triển khai cho hơn 1.400 khách hàng doanh nghiệp và hộ gia đình. Doanh thu mảng NLMT 11T2024 đạt 375 tỷ đồng (+319% svck).</li> <li>➤ Ngoài ra, mảng vận hành khai thác (đóng góp 50% doanh thu) duy trì tỷ trọng tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
ELC	26,6	25	31	35	N/A	24	24,0%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ KQKD Q3/2024 ghi nhận con số kém khởi sắc với doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 177 và 9,1 tỷ đồng (-47,3% và -69,5% svck). Nguyên nhân dẫn đến kết quả đi lùi do một số dự án lớn của ELC bị đẩy lùi tiến độ triển khai dẫn tới việc nghiệm thu chậm so với kế hoạch. Doanh thu bán hàng hóa (chiếm 65,4% DTT) giảm mạnh -56,1% về mức 115,8 tỷ đồng. Lũy kế 9T2024, doanh thu của ELC đạt 427,6 tỷ đồng (-6,5% svck), LNST đạt 20,5 tỷ đồng (-45,5% svck). Như vậy doanh nghiệp mới chỉ hoàn thành 38,8% kế hoạch doanh thu và 21,1% kế hoạch LNST năm 2024.</li> <li>➤ Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng về sự phát triển dài hạn của ELC thông qua lĩnh vực về giao thông thông minh (ITS) khi ELC chiếm 60% thị phần ITS tại Việt Nam với các dự án Diễn Châu - Bãi Vọt (hơn 200 tỷ đồng), dự án nút giao Liêm Sơn (30-40 tỷ đồng) và cụm dự án cao tốc Bắc - Nam; lĩnh vực về cung cấp thiết bị viễn thông như Dự án Nâng cấp hệ thống mạng truyền dẫn DWDM cho Viettel Group: Gói thầu 02-2024-MTD Mua sắm giải pháp nâng cấp cho các mạng truyền dẫn DWDM đang sử dụng thiết bị của Ciena và dịch vụ liên quan với giá 124,7 tỷ đồng (thấp hơn 3,4% so với giá gói thầu) và Gói thầu 16-2024-Mobile Mua sắm giải pháp thay thế phần cứng hệ thống IGW Ribbon cùng dịch vụ kỹ thuật liên quan với giá hơn 20,9 tỷ đồng (thấp hơn 3,2%).</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
DBD	59,5	53-54	60	66-68	59,9	42	12,1%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ KQKD 9T/2024 ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng nhẹ. Doanh thu thuần 9T2024 đạt 1.250 tỷ đồng (+3,5% svck) với tăng trưởng 8% kênh ETC, kênh OTC giảm 2% svck. LNST cổ đông công ty mẹ 9T2024 tăng 2,1%, đạt 215 tỷ đồng.</li> <li>➤ Tình hình tài chính rất tốt khi lượng tiền mặt dồi dào và tỷ lệ vay nợ rất thấp. Tiền và tiền gửi ngắn hạn cuối Q3/2024 đạt 392 tỷ đồng, chiếm 18,4% tổng tài sản. Vay nợ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, ở mức 2,2% tổng nguồn vốn, tỷ lệ D/E chỉ ở mức 0,03 lần.</li> <li>➤ DBD có sản phẩm đa dạng với 16 loại hoạt chất điều trị ung thư khác nhau, có lợi thế cạnh tranh tương đối lớn trong nhóm sản xuất thuốc ung thư. Bidiphar hiện đang dẫn đầu thị phần thuốc điều trị ung thư sản xuất trong nước (chỉ sau 5 doanh nghiệp nước ngoài). Bidiphar cũng là doanh nghiệp dược phẩm nội địa duy nhất tham gia vào cơ cấu đầu thầu thuốc điều trị ung thư.</li> <li>➤ Nhà máy thuốc ung thư dạng tiêm và viên đã đi vào hoạt động và đang chờ chứng nhận EU-GMP. Việc đạt được chứng nhận EU-GMP sẽ giúp DBD được tham gia đấu thầu nhóm thuốc 1 và 2 – 2 nhóm thuốc có doanh thu cao nhất trong các nhóm thuốc đấu thầu và không có nhiều doanh nghiệp Việt Nam đủ tiêu chuẩn vào được nhóm này.</li> <li>➤ Nhà máy mới: nhà máy thuốc vô trùng thể tích nhỏ theo tiêu chuẩn EU-GMP đang được xây dựng dự kiến đi vào hoạt động năm 2027. Kế hoạch xây dựng nhà máy OSD Non-Betalactam theo tiêu chuẩn EU-GMP vào năm 2025, đi vào hoạt động năm 2028 sẽ nâng số dây chuyền sản xuất đạt EU-GMP của DBD lên, đẩy mạnh doanh thu khi được đấu thầu nhóm thuốc 1 và 2.</li> <li>➤ Việc đàm phán và tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược có thể chuyển giao công nghệ giúp mảng sản xuất thuốc phát triển thành công sẽ là nguồn lực mới cho sự tăng trưởng của DBD.</li> </ul>

# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
<b>CTD</b>	69	63-64	71	75	76,6	62	11,8%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ KQKD Q1/NĐTC 2025 (Q3/2024) của CTD đạt mức tăng trưởng ấn tượng khi doanh thu đạt 4,8 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt 93 tỷ đồng (+39% svck).</li> <li>➤ Triển vọng thời gian tới của CTD sẽ tiếp tục hấp dẫn nhờ động lực từ các mảng: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ (i) xây dựng công nghiệp vẫn là điểm sáng khi đây là mảng kinh doanh có biên lợi nhuận cao, công ty sở hữu lượng backlog lớn đầu ngành (đáng chú ý trong năm 2025 là dự án LEGO) sẽ là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng thời gian tới;</li> <li>▪ (ii) xây dựng dân dụng đã có những tín hiệu phục hồi khi thị trường BĐS đang dần khởi sắc khi nguồn cung và cầu tăng đáng kể trong năm 2024 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng thời gian tới.</li> <li>▪ Ngoài ra, biên lợi nhuận của CTD có thể tiếp tục cải thiện khi các gói thầu xây dựng công nghiệp gia tăng, các khoản nợ phải thu khó đòi trước đây đã hoàn tất trích lập dự phòng.</li> </ul> </li> </ul>
<b>VCG</b>	18	17-18	25	32	21,6	16	42,9%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Triển vọng thời gian tới của VCG tích cực nhờ sự cải thiện KQKD của các mảng, đặc biệt mảng xây dựng hạ tầng khi hoạt động đầu tư công tiếp tục được chú trọng. VCG là một trong những nhà thầu xây dựng hàng đầu và uy tín tại Việt Nam với giá trị backlog các công trình hạ tầng lớn như dự án 5 dự án thành phần của cao tốc Bắc – Nam GD1, 3 dự án thành phần của cao tốc Bắc – Nam GD2, các gói thầu xây dựng sân bay quốc tế Long Thành, ... đảm bảo nguồn doanh thu thời gian tới.</li> <li>➤ Ngoài ra, mảng BĐS KCN cũng sẽ là động lực tăng trưởng mới thời gian tới của VCG khi doanh nghiệp đang triển khai 3 dự án bao gồm: Khu CNC 2 Hòa Lạc (270 ha) đã cho thuê và 2 KCN đang triển khai đầu tư là Sơn Đông (Hà Nội) và Đông Anh (300 ha).</li> </ul>

# ▶ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
FCN	14,3	12,5-13,5	16	18	N/A	10,5	23,1%	<ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh thu 9T/2024 tăng trưởng tích cực khi đạt 2.172 tỷ (+18,6% svck). Doanh thu cải thiện nhờ doanh nghiệp duy trì khối lượng thi công với hiệu suất tốt. Tuy nhiên, LNST của công ty chỉ ở mức thấp 1,4 tỷ đồng do chi phí lãi vay, chi phí QLDN lớn cùng với thuế TNDN tăng mạnh đã bào mòn gần như toàn bộ lợi nhuận của doanh nghiệp.</li> <li>Chúng tôi kỳ vọng thời gian tới triển vọng của FCN có thể tích cực hơn khi ngành BĐS dần khởi sắc và hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh, FCN với nguồn backlog dồi dào, sở hữu nhiều lợi thế - vị thế doanh nghiệp đầu ngành trong mảng thi công hạ tầng nền móng.</li> </ul>
HHV	11,4	10,7-11,3	13	14,5	N/A	10,5	18,2%	<ul style="list-style-type: none"> <li>KQKD 9T/2024 của HHV tích cực khi doanh thu đạt 2.298 tỷ đồng (+25,9% svck), LNST đạt 367 tỷ đồng (+18,8% svck).</li> <li>Triển vọng kinh doanh thời gian tới của HHV tiếp tục tích cực nhờ các yếu tố như:               <ul style="list-style-type: none"> <li>Mảng BOT giúp duy trì dòng tiền ổn định, đặc biệt trong năm 2024 thì 3 trạm thu phí Đèo Cả, An Dân và Cù Mông của HHV được tăng giá góp phần cải thiện KQKD của doanh nghiệp, ngoài ra thời gian tới khi các dự án hạ tầng giao thông đường bộ tích cực được triển khai sẽ giúp gia tăng lưu lượng xe qua các trạm thu phí của HHV.</li> <li>Mảng Xây lắp của HHV cũng được kỳ vọng khởi sắc hơn trong giai đoạn 2025 – 2027 khi hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh, các gói thầu của HHV chuẩn bị đến giai đoạn thi công chính và bàn giao, năng lực thi công đã được khẳng định với thế mạnh trong thi công các công trình hầm qua núi.</li> </ul> </li> </ul>



# ➤ DANH SÁCH CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1/2025

09/01/2025	Giá hiện tại	Vùng giá mua đề xuất	Giá mục tiêu (TA)	Giá mục tiêu 2 (TA)	Giá mục tiêu (FA)	Giá cắt lỗ	Lãi/Lỗ kỳ vọng từ giá mua	Luận điểm đầu tư
<b>DPG</b>	45,2	40-42	48	51	N/A	38	17,1%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Lũy kế 9T/2024, doanh thu thuần của DPG đạt 2.130 tỷ đồng (+5% svck), LNST đạt 172 tỷ đồng (+2,4% svck).</li> <li>➤ Triển vọng thời gian tới của DPG với mảng xây lắp sẽ tích cực hơn khi hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh, các dự án cao tốc DPG đang triển khai sẽ hoàn tất bàn giao trong năm 2025 giúp gia tăng doanh thu cho doanh nghiệp.</li> <li>➤ Với mảng năng lượng, việc lượng mưa gia tăng trong Q3/2024 sẽ giúp nhiều doanh nghiệp thủy điện của công ty ghi nhận KQKD cải thiện.</li> </ul>
<b>VGC</b>	47,7	44-45	48	51	N/A	41	7,9%	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ 9T/2024, KQKD của VGC không thật sự khả quan khi doanh thu mảng BĐS KCN sụt giảm, mảng VLXD tiếp tục gặp khó (đặc biệt mảng kính xây dựng).</li> <li>➤ Chúng tôi kỳ vọng năm 2025 doanh nghiệp sẽ khởi sắc hơn khi thị trường BĐS khởi sắc giúp hoạt động xây dựng dân dụng phục hồi và giá bán VLXD sẽ hồi phục do nhu cầu gia tăng.</li> <li>➤ Mảng BĐS KCN được kỳ vọng cũng sẽ tích cực hơn khi dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam tiếp tục khả quan, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đã hoàn tất và Tổng thống Donald Trump đắc cử, các nhà đầu tư nước ngoài có thể lựa chọn Việt Nam theo xu hướng "Trung Quốc+1", VGC với vị thế là doanh nghiệp có quỹ đất KCN lớn tại nhiều địa phương sẽ được hưởng lợi.</li> </ul>

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Để được hỗ trợ tư vấn và nhận các thông tin khuyến nghị, báo cáo thường xuyên, kịp thời, tải ABS Invest ngay tại



Trải nghiệm ngay  
ứng dụng ABS invest



Mở tài khoản để tham gia  
room tư vấn của Trung tâm  
Tư vấn Đầu tư ABS

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

## Thông tin liên hệ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Nguyễn Thị Thùy Linh – Giám đốc Trung tâm Phân tích

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Điện thoại: (+84 - 24) 3562 4626 Số máy lẻ: 160

[www.abs.vn](http://www.abs.vn)



**Thank you!**